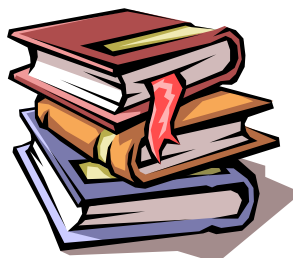


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG.....

Luận văn tốt nghiệp

**Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh**



LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp rất quan trọng. Đặc biệt tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cơ bản của hạch toán kế toán. Qua đó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào? Chi phí quá trình sản xuất là bao nhiêu? Và kết quả đạt được là gì? Tất cả những thông tin này sẽ giúp cho nhà quản trị đưa ra các chính sách và quyết định đúng đắn.

Nhận được tầm quan trọng của vấn đề trên, qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh, em đã tìm hiểu sâu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Và em quyết định chọn đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh” làm khóa luận tốt nghiệp của mình. Nội dung của bài khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận gồm:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt là ThS. Trần Thị Thanh Phương. Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và trình độ có giới hạn nên bài luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Sinh viên

Lê Thị Thu Hằng

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Phân loại hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp được chia thành ba hoạt động cơ bản sau:

- *Hoạt động sản xuất kinh doanh*: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.
- *Hoạt động tài chính*: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.
- *Hoạt động khác*: là các hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít khả năng thực hiện, các hoạt động khác như: thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu được tiền phạt do đối tác vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được nợ khó đòi đã xóa sổ...

Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (bao gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ giá trị sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí QLDN.

Kết quả HDSXKD – DTT về BH và CCDV – Giá vốn hàng bán – Chi phí bán hàng – Chi phí QLDN

Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu tài chính – Chi phí tài chính

Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác, khoản chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

1.2 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm đó là làm thế nào để hoạt động hiệu quả nhất (tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro) và lợi nhuận là thước đo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu và chi phí. Hay nói cách khác doanh thu, chi phí và lợi nhuận là các chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào để đạt kết quả cao nhất. Như vậy tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được thông tin, số liệu cần thiết giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất.

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin quan trọng không chỉ cần thiết đối với nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra các quyết định hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định có cho vay không, cho vay bao nhiêu và bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp cho Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước...

1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng nhập xuất tồn kho thành phẩm, tình hình tiêu thụ, tình hình thanh toán với người mua, với ngân sách Nhà nước về khoản thuế, phí và lệ phí, chất lượng, quy cách đối với từng loại sản phẩm hàng hóa bán ra.
- Phản ánh ghi chép kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.
- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp qua từng thời kỳ và từng lĩnh vực hoạt động.
- Kế toán phải mở sổ theo dõi chi tiết với từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Căn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức của công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp để xác định chi phí sản xuất, trên cơ sở đó tổ chức việc ghi chép cho thích hợp.
- Tổ chức tập hợp, phân bổ chi phí sản xuất cho lãnh đạo doanh nghiệp và tiến hành phân tích tình hình thực hiện các định mức chi và dự toán chi phí.
- Tính toán ghi chép chính xác các loại chi phí.

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Hạch toán chính xác và kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.
- Tham gia kiểm kê đánh giá thành phẩm, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, định kỳ tiến hành phân tích tình hình tiêu thụ, kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.4.1 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bán hàng (hay tiêu thụ hàng hóa) là giai đoạn cuối cùng của quá trình tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp, nó là quá trình thực hiện về mặt giá trị hàng hóa. Trong mỗi quan hệ này, doanh nghiệp phải chuyển giao hàng hóa cho người mua và người mua phải chuyển giao cho doanh nghiệp số tiền tương ứng với giá trị của hàng hóa đó.

Vậy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch, các nghiệp vụ kinh tế như bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu bên ngoài giá bán (nếu có).

Tuy nhiên trong quá trình bán hàng cũng phát sinh một số trường hợp doanh nghiệp không mong muốn. Đó là các khoản giảm trừ doanh thu:

- ✓ Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.
- ✓ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc bị lạc hậu thị hiếu.
- ✓ Hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại, từ chối thanh toán.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định một cách tương đối chắc chắn.
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc hạch toán doanh thu:

- Đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa bao gồm thuế GTGT.
- Đối với hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế XK).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được nhận.
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay, và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu chưa xác định.
- Đối với phương thức cho thuê tài sản, có nhận tiền trước cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

❖ Các phương thức bán hàng

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** theo phương thức này người bán hàng giao hàng cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất hay tại quầy, bán trực tiếp bao gồm bán buôn, bán lẻ.

+ Bán buôn là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn là bán với số lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- **Phương thức chuyển hàng:** theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm 2 loại bán buôn và bán lẻ, song phương thức này giao hàng không tại kho đơn vị sản xuất mà giao tại bên mua hoặc cửa hàng tiêu thụ.

- **Phương thức giao hàng đại lý:**

Theo phương thức này, doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý. Quyền sở hữu hàng hóa của doanh nghiệp chấm dứt khi cơ sở đại lý thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc doanh nghiệp nhận được thông báo của đại lý về số hàng đã bán. Bên đại lý được hưởng hoa hồng đã kí giữa 2 bên. Số hàng gửi bán vẫn thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp cho đến khi bên nhận đại lý thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng.

- **Phương thức trả chậm, trả góp:** theo phương thức này doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả 1 lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp. Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần, lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần vào các kì tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức hàng đổi hàng:** nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả thị trường rồi dùng tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** theo phương thức này doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình trả lương cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, sử dụng sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra để phục vụ lại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hoặc sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp để khuyến mại, biếu tặng... và trường hợp doanh nghiệp bán sản phẩm của mình cho đơn vị cấp trên, cấp dưới hay đơn vị trực thuộc.

1.4.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là số thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc bao gồm cả chi phí mua hàng, phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kì đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Phương pháp tính giá vốn hàng bán

Để tính trị giá hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong những phương pháp sau:

- **Phương pháp bình quân gia quyền**

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ:*

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kì. Tuy nhiên phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kì ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa phương pháp này chưa đáp ứng kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:*

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này khắc phục được hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kì là hàng được mua hoặc được sản xuất ở thời điểm cuối kì. Theo FIFO thì giá trị hàng xuất kho được tính

theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kì hoặc gần đầu kì, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kì còn tồn kho.

Phương pháp này giúp chúng ta có thể tính ngay giá trị vốn hàng xuất kho cho từng lần xuất hàng. Đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo. Nhược điểm là doanh thu hiện tại không phù hợp với khoản chi phí hiện tại.

Phương pháp này phù hợp với giá cả thị trường ổn định hoặc có xu hướng giảm.

- **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

LIFO giả định hàng mua sau cùng sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập sau mới xuất đến số nhập trước. Ngược lại với FIFO, phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

- **Phương pháp thực tế đích danh:**

Khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó để tính giá vốn của sản phẩm, hàng hóa xuất bán.

Đây là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Phương pháp này thích hợp với những hàng hóa có giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

1.4.1.3 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- ✚ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hợp đồng kinh tế.
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có, sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ liên quan...

✚ Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản 511 có các TK cấp 2 sau:

- TK5111: doanh thu bán hàng.
- TK5112: doanh thu bán các thành phẩm
- TK5113: doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK5114 :doanh thu trợ cấp trợ giá.
- TK5117: doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Kết cấu tài khoản

✓ Bên nợ

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kì kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kì
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kì
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kì
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh.

✓ Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kì kế toán.

TK511 không có số dư cuối kì.

❖ TK512 – “doanh thu bán hàng nội bộ”

Kết cấu tài khoản:

✓ Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911.

Bên có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
TK512 không có số dư cuối kỳ.

❖ *TK521 – Chiết khấu thương mại***Kết cấu tài khoản:**✓ **Bên nợ:**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

✓ **Bên có:**

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang: TK511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

TK521 không có số dư cuối kỳ.

❖ *TK531 – “ hàng bán bị trả lại”***Kết cấu tài khoản:**✓ **Bên nợ:**

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

✓ **Bên có:**

Kết chuyển doanh thu của hàng hóa bị trả lại vào bên nợ của TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

TK531 không có số dư cuối kỳ.

❖ *TK532 – “ giảm giá hàng bán”***Kết cấu:**✓ **Bên nợ:**

- Các khoản giảm giá hàng bán được chấp nhận cho bên mua hàng do hàng kém chất lượng hoặc sai quy cách, lỗi thời...

✓ **Bên có:**

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511, TK512.

TK532 không có số dư cuối kỳ.

❖ *TK632 – “ giá vốn hàng bán”*✓ **Bên nợ:**

- Phản ánh giá vốn sản phẩm hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán trong kì kế toán.
- Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm tr- ớc.
- Phản ánh các khoản chi phí liên quan đến BĐS đầu tư đem cho thuê, bán, thanh lý và giá trị còn lại của BĐS đem bán, thanh lý.

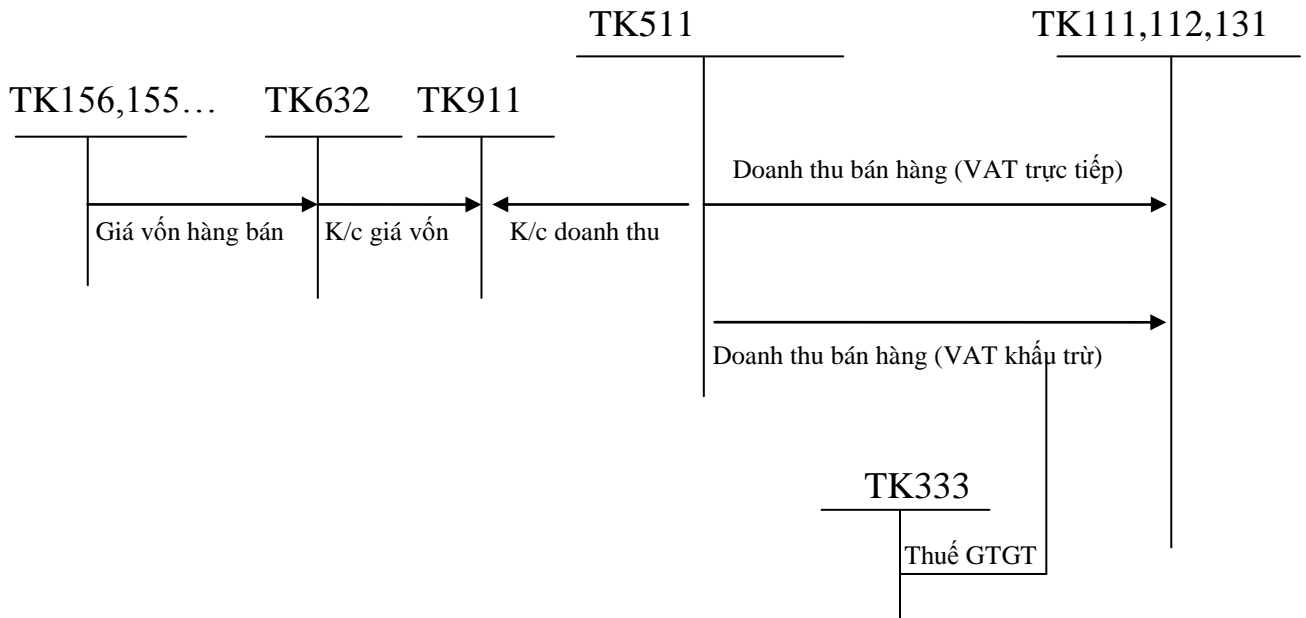
✓ **Bên có:**

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (31/12) (Khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm tr- ớc).
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

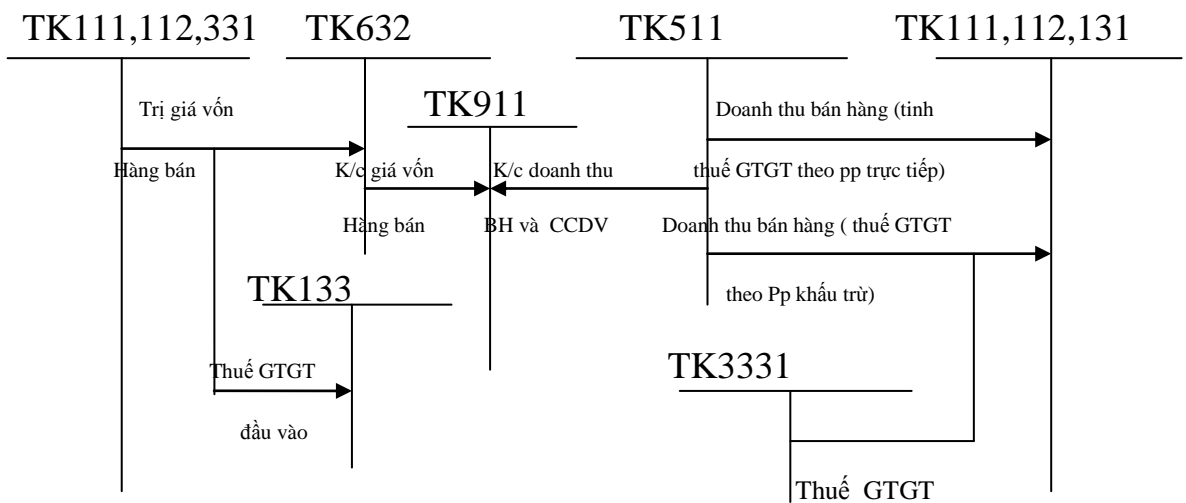
TK632 không có số dư cuối kì.

Sơ đồ hạch toán:

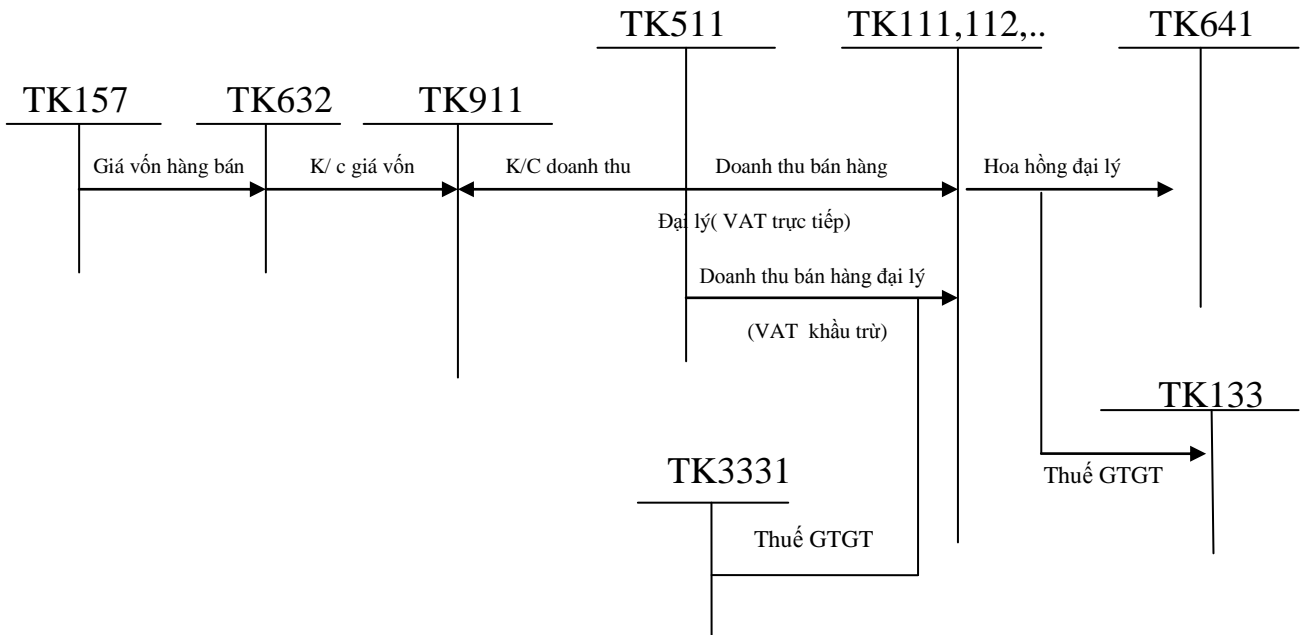
Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp.



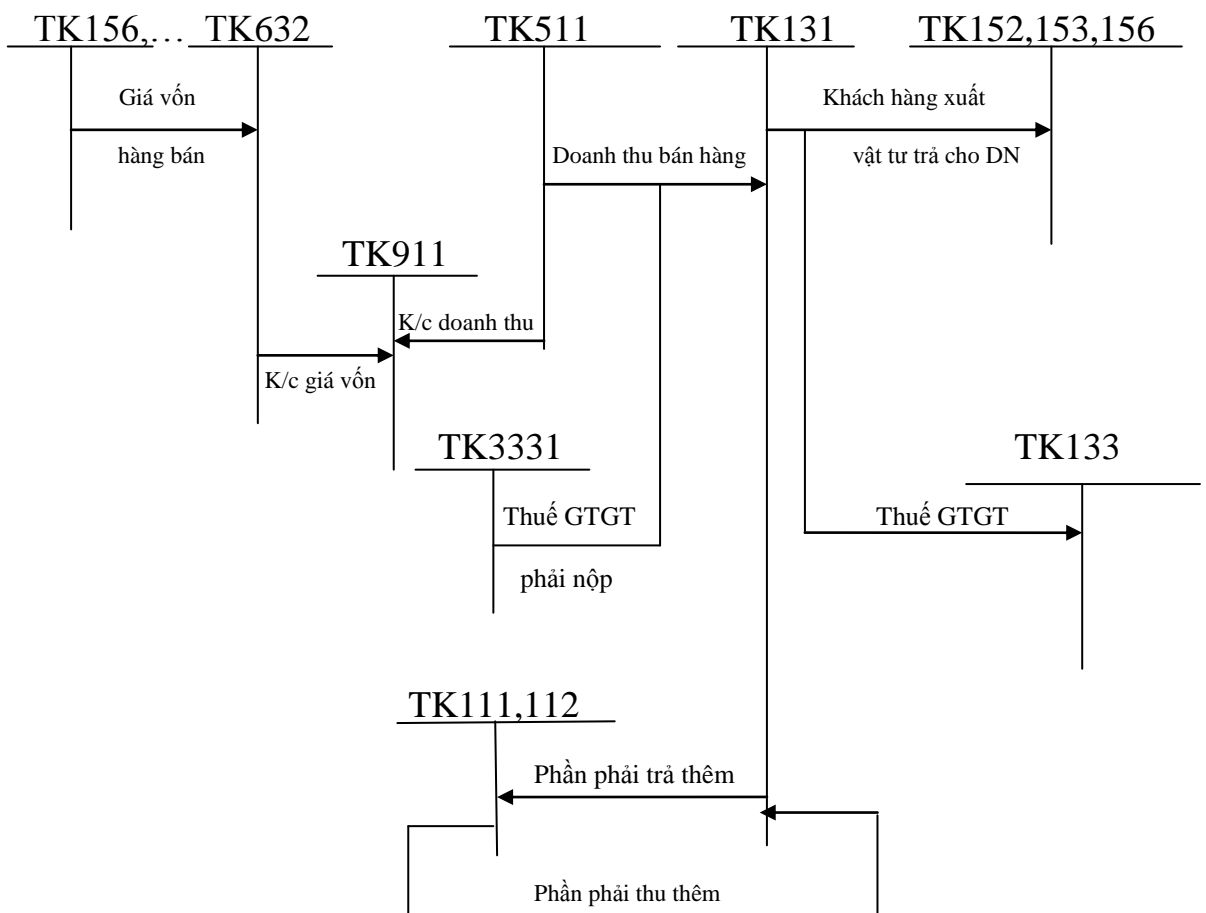
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng theo phương thức bán buôn vận chuyển thẳng.



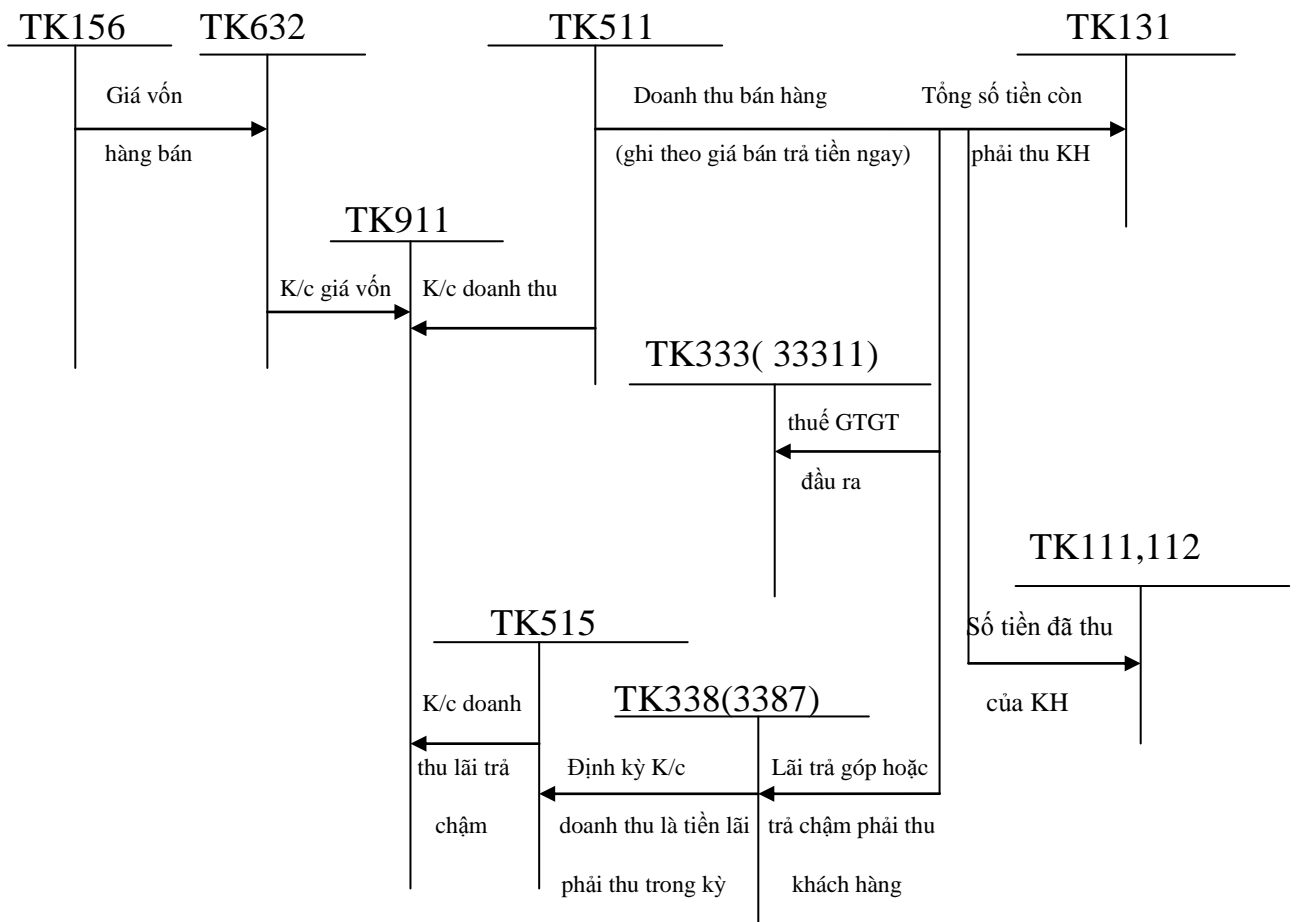
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng thông qua đại lý



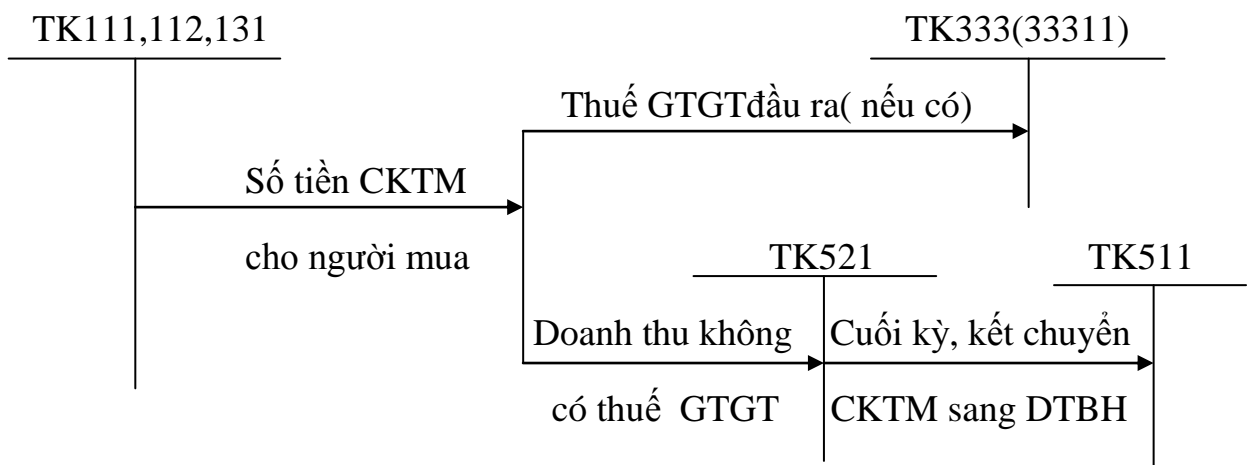
Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng.



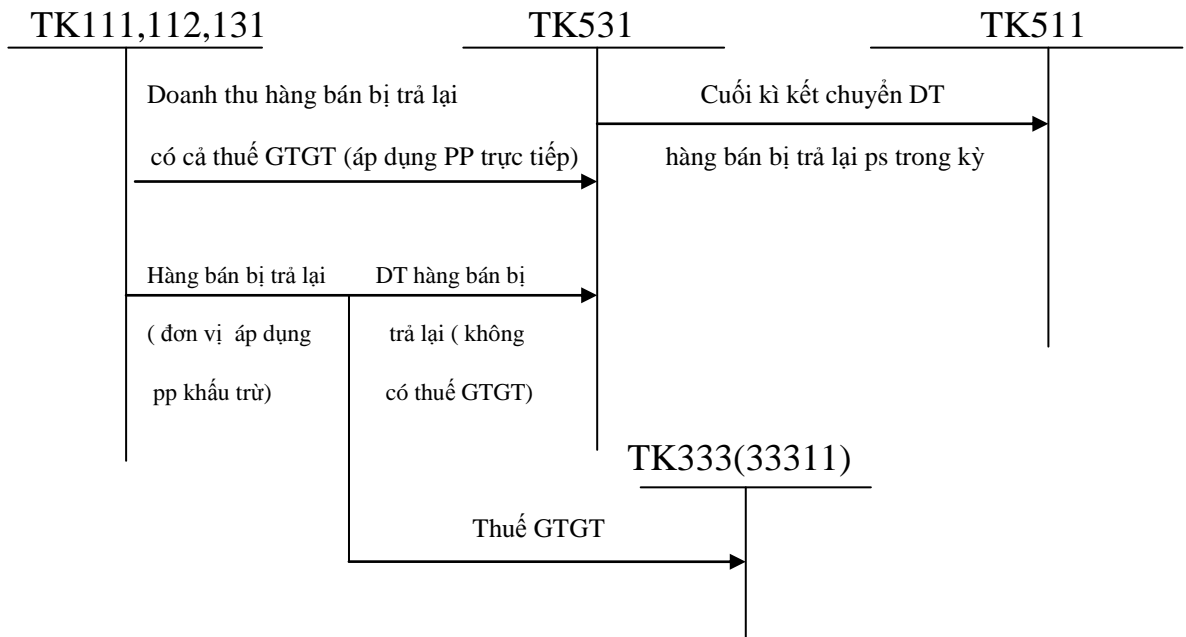
Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.



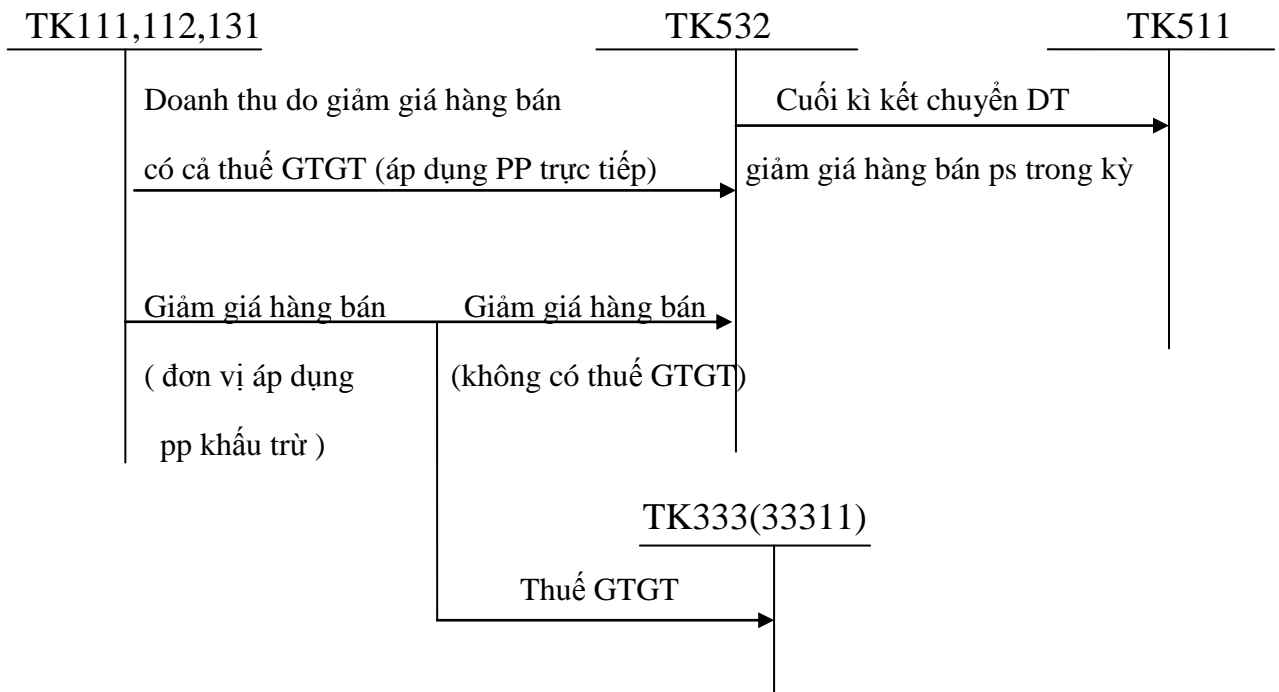
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại.



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại.



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán.



1.4.1.4 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- ❖ Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, việc hạch toán các nghiệp vụ về thành phẩm và tiêu thụ chỉ khác phương pháp kê khai thường xuyên trong việc xác định giá thành sản xuất thực tế (giá vốn) của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành được nhập kho, xuất kho hay đã tiêu thụ trong kỳ. Còn việc hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu giống như phương pháp kê khai thường xuyên.

❖ Tài khoản sử dụng:

Ngoài những tài khoản mà doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng thêm tài khoản:

TK611: mua hàng.

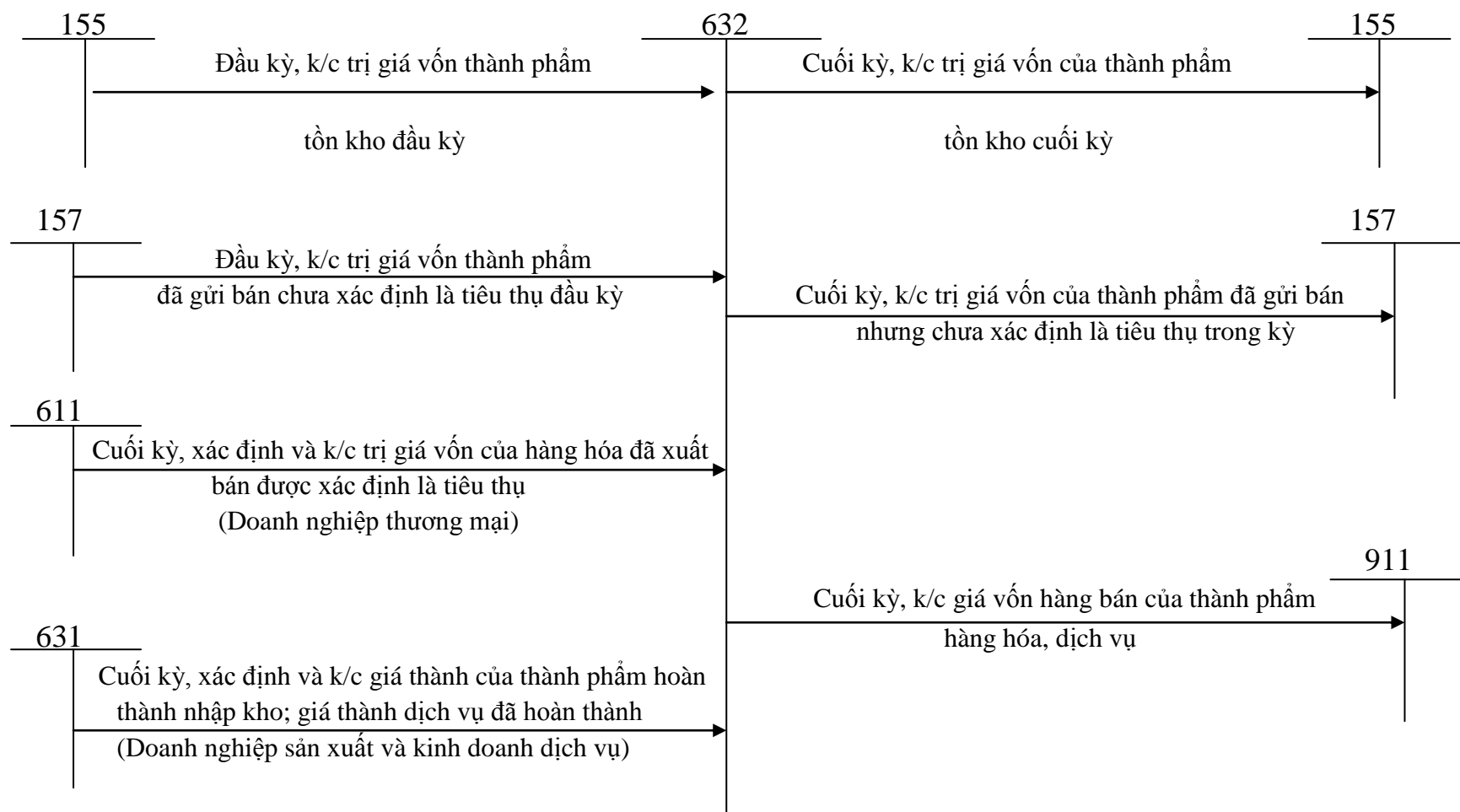
TK631: giá thành sản xuất

- ❖ Sơ đồ hạch toán:

Sau đây là sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Sơ đồ 1.9: Hạch toán giá vốn hàng bán

(theo Phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng phương pháp khấu trừ)



1.4.1.5 Tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng:

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ .

Chi phí bán hàng gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, bao bì, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn bộ công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan.

TK sử dụng:

❖ TK 641 – chi phí bán hàng

TK641 gồm 07 tài khoản cấp 2:

- TK6411 - chi phí nhân viên
- TK6412 - chi phí vật liệu bao bì
- TK6413 - chi phí dụng cụ , đồ dung.
- TK6414 - chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6415 – chi phí bảo hành
- TK6417 - chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6418 - chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu tài khoản:

✓ **Bên nợ:**

- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kì.

✓ **Bên có:**

- Các khoản giảm chi phí bán hàng (nếu có)
- Kết chuyển chi phí bán hàng trong kì vào bên nợ TK911.

TK641 không có số dư cuối kì.

❖ *Tk 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp*

Tài khoản 642 bao gồm 8 TK cấp 2:

- TK6421 – chi phí nhân viên quản lý
- TK6422 - chi phí vật liệu quản lý
- TK6423 - chi phí đồ dùng văn phòng
- TK6424 – chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK6425 – thuế, phí lệ phí
- TK6426 – chi phí dự phòng
- TK6427 – chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6428 – chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu tài khoản

✓ **Bên nợ:**

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kì

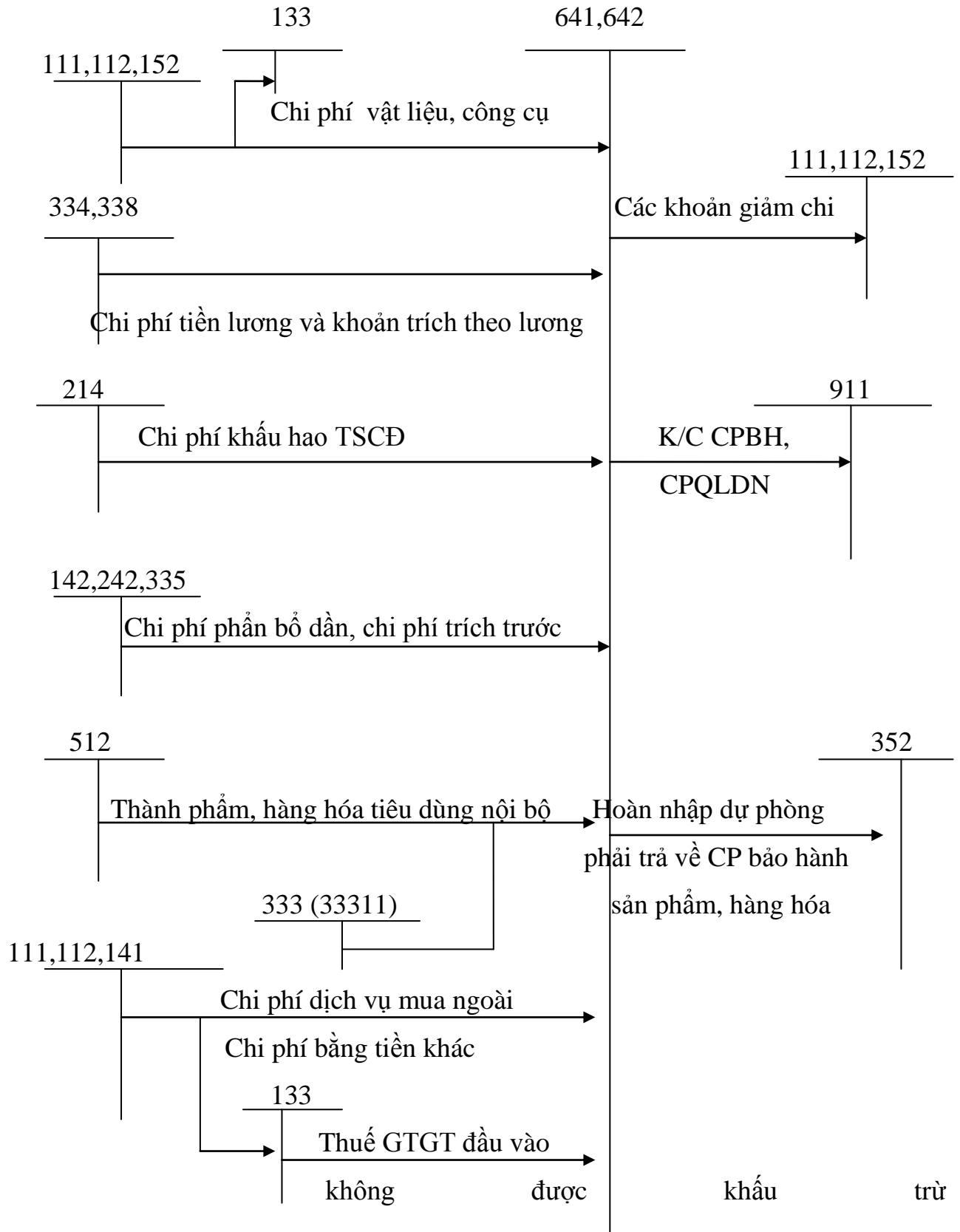
✓ **Bên có:**

- Các khoản được ghi phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911.

TK642 không có số dư cuối kì.

✚ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.4.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính :

- Tiền lãi : lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; lãi cho thuê tài chính;...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính...);

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;

- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

Chi phí tài chính:

Là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

- Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán;

- Chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn hoặc ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn;

- Chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí cho thuê tài sản cơ sở hạ tầng...

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

✚ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng

- Phiếu thu, phiếu chi

- Giấy báo nợ, giấy báo có

- Các chứng từ khác có liên quan.

✚ Tài khoản sử dụng:

❖ TK 515 - doanh thu hoạt động tài chính**✓ Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tình theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911 – xác định kết quả kinh doanh.

✓ Bên có:

- Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của các hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào các hoạt động doanh thu tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kì.

TK515 không có số dư cuối kì.

❖ TK635 - chi phí hoạt động tài chính.**✓ Bên nợ:**

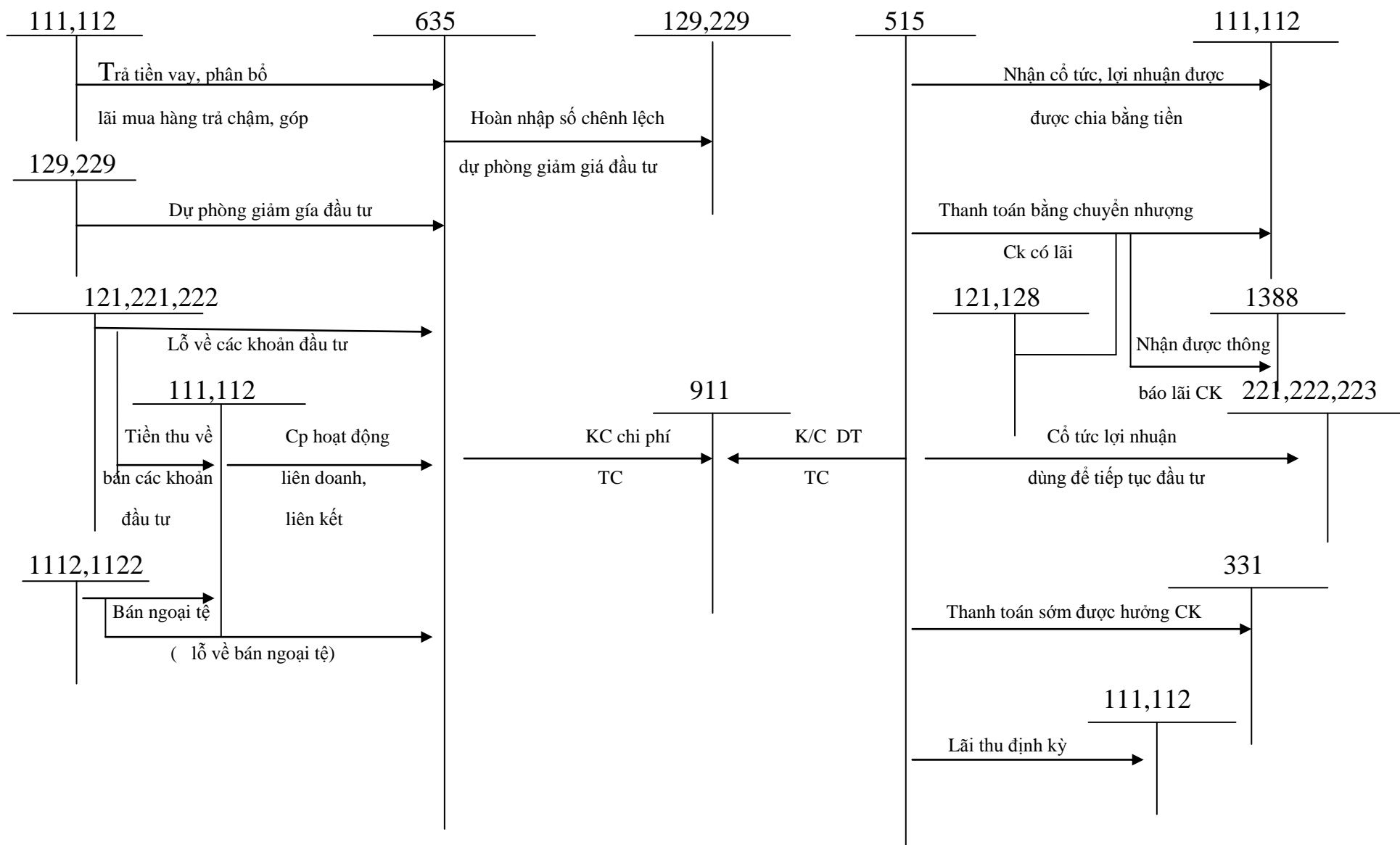
- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- K/C hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

✓ **Bên có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Cuối kì, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kì để xác định kết quả kinh doanh.

TK635 không có số dư cuối kì

Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán doanh thu và chi phí tài chính

1.4.3 Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí của hoạt động khác trong doanh nghiệp

Thu nhập khác:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập từ quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho mỗi doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...

Chi phí khác:

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng
- Những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp..
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

✚ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, phiếu thu
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan.

✚ Tài khoản sử dụng:

❖ TK711 – thu nhập khác

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế theo pp trực tiếp.
- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kì sang TK911.

Bên có:

- Phản ánh toàn bộ khoản thu nhập khác phát sinh trong kì.
- TK711 không có số dư cuối kì.

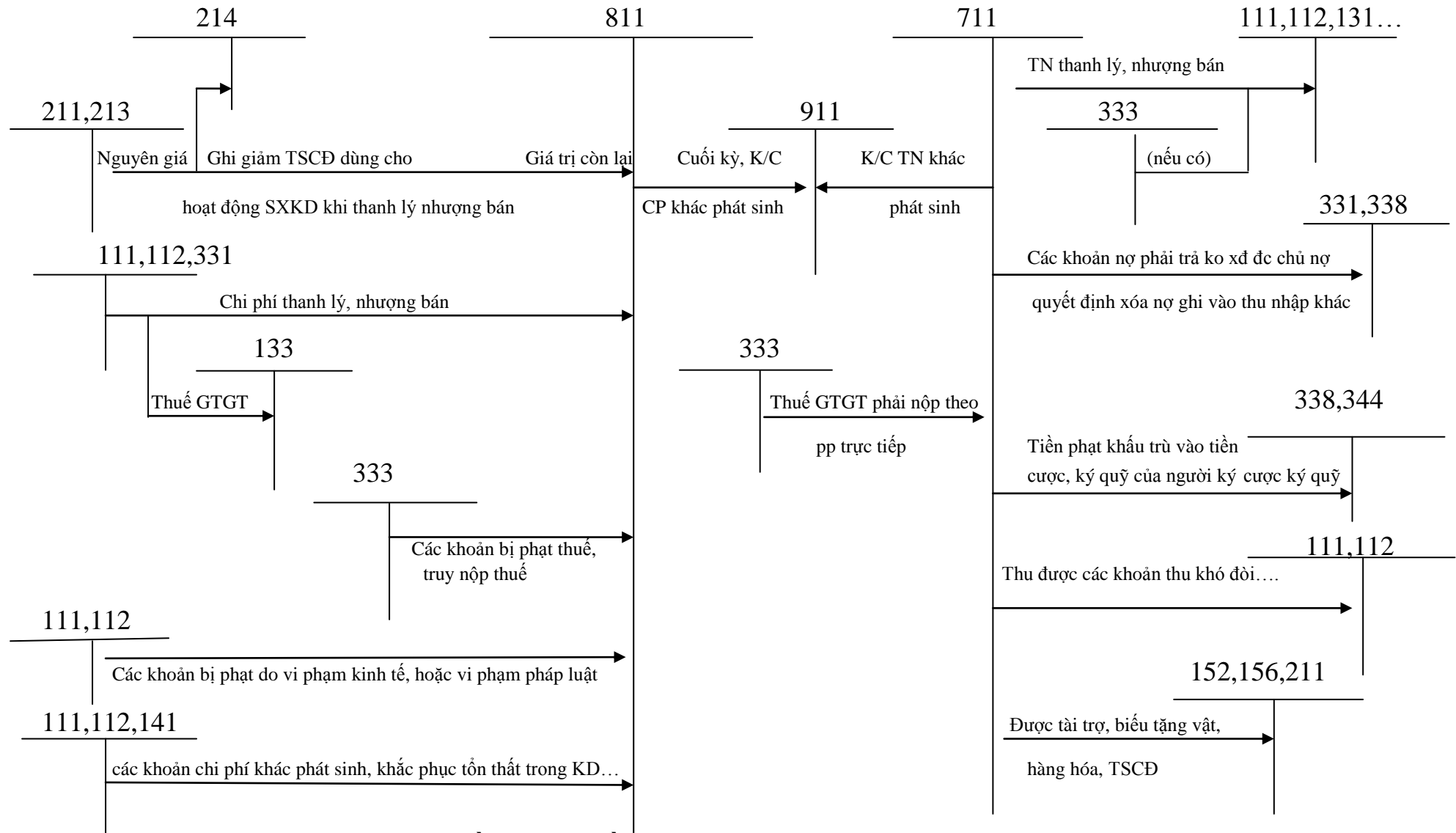
❖ *TK811 – chi phí khác*

Bên nợ:

- Tập hợp tất cả các khoản chi phí khác trong kì.

Bên có:

- Cuối kì kết chuyển toán bộ chi phí khác sang TK911
TK811 không có số dư cuối kì.



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.4.4 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lỗ hay lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

✚ Chứng từ sử dụng:

- phiếu kế toán.

✚ Tài khoản sử dụng:

❖ TK821 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

TK này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu tài khoản:

✓ Bên nợ:

- chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm
- thuế TNDN hiện hành của những năm trước phải nộp bổ sung do sai sót không trọng yếu của năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.

- chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi thuế TNDN hoãn lại phải trả (là số chênh lệch số thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế TNDN phải trả được hàn nhập trong năm).

- ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại (số tài sản thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn số tài sản thuế TNDN phát sinh trong năm).

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK8212-“ chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên nợ TK8212 – “ chi phí thuế TNDN hiện hoãn lại” phát sinh bên có TK911-“xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.

- ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (là chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”;

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

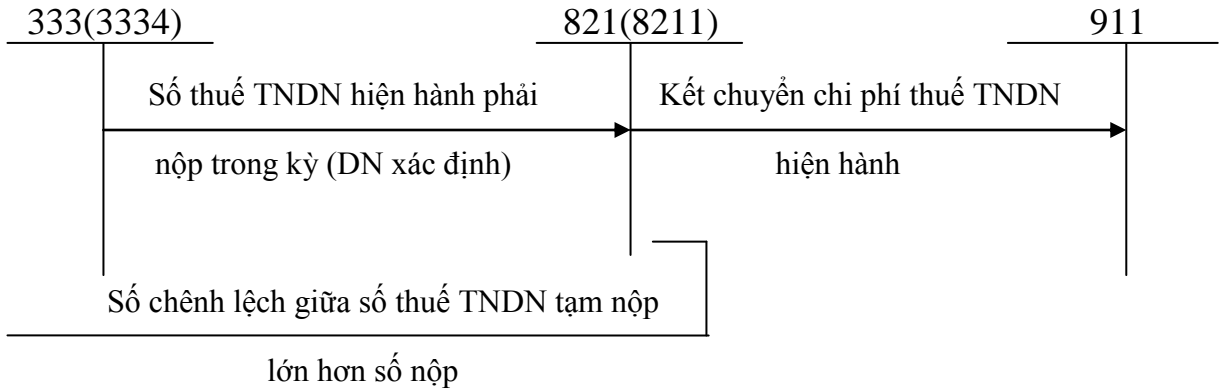
Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;

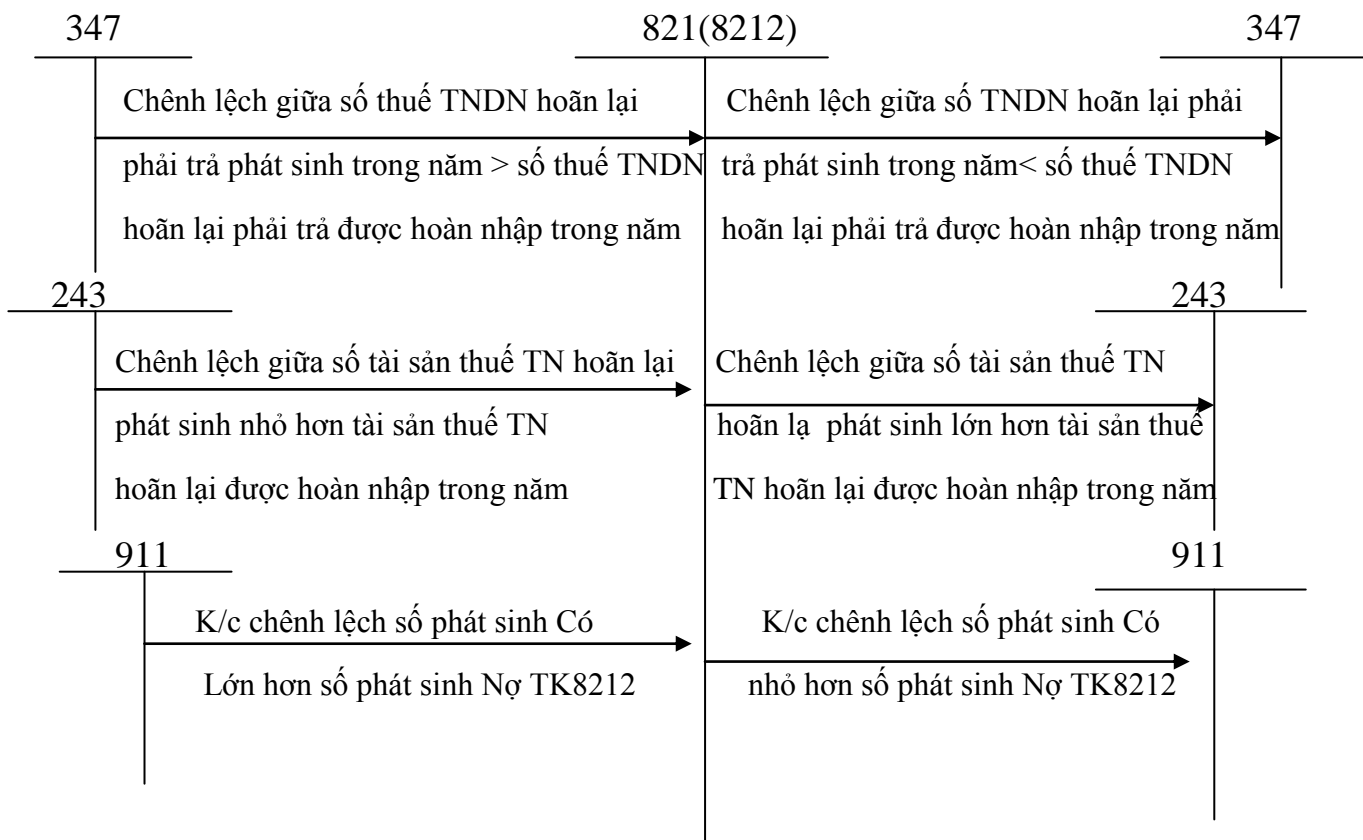
Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

✚ Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



✚ Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



❖ **TK911 – xác định kết quả kinh doanh**

TK này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kì kế toán năm.

✓ Bên nợ:

- Trị giá vốn của SP, HH, BĐS đầu tư dịch vụ đã bán của doanh nghiệp.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và các khoản chi phí khác.

- Kết chuyển lãi.

✓ Bên có:

- Doanh thu thuần về số lượng SP, HH, BĐS đầu tư, dịch vụ đã bán của doanh nghiệp trong kì.

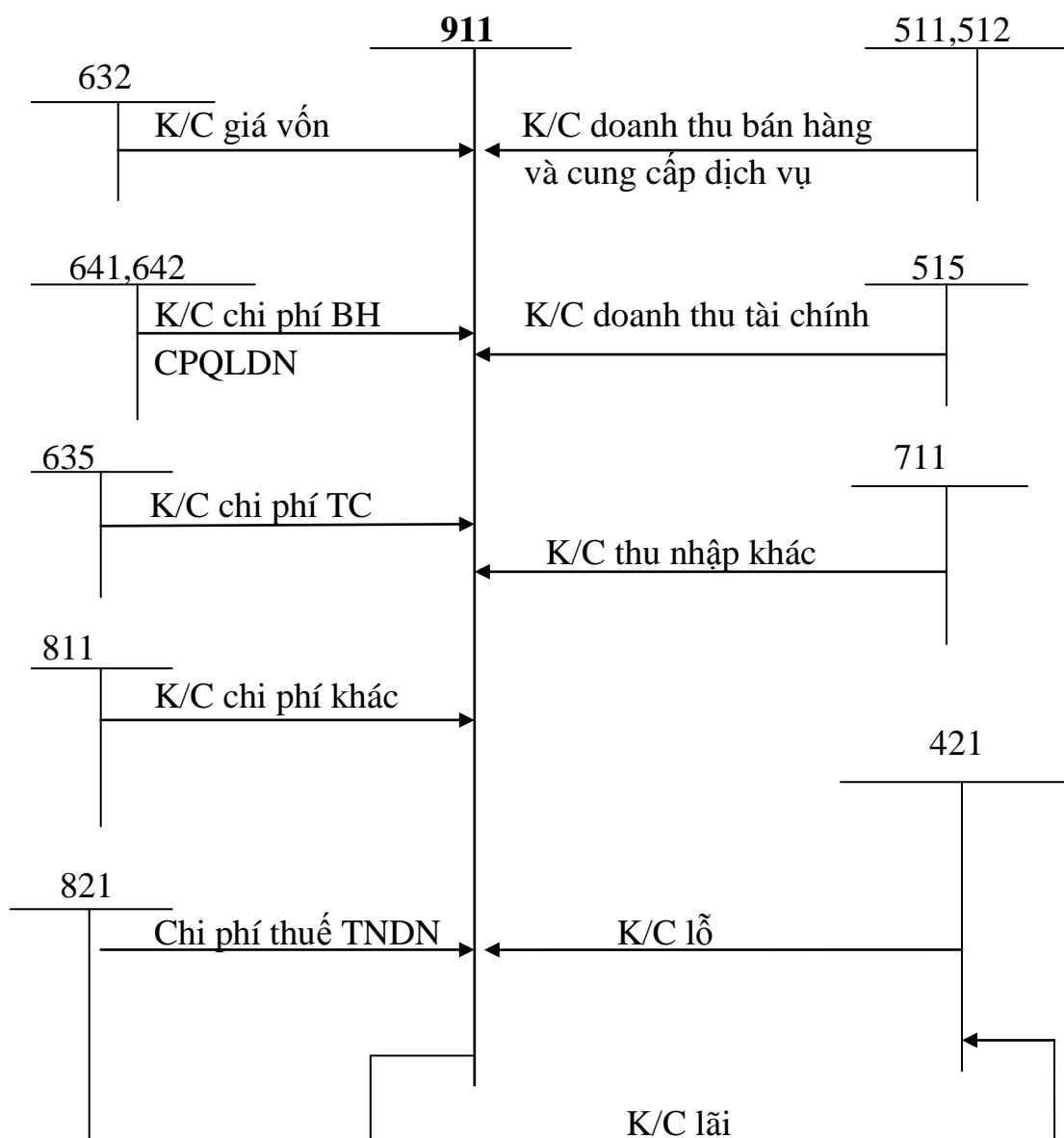
- Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.

- Kết chuyển lỗ.

TK911 không có số dư cuối kì.

✚ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

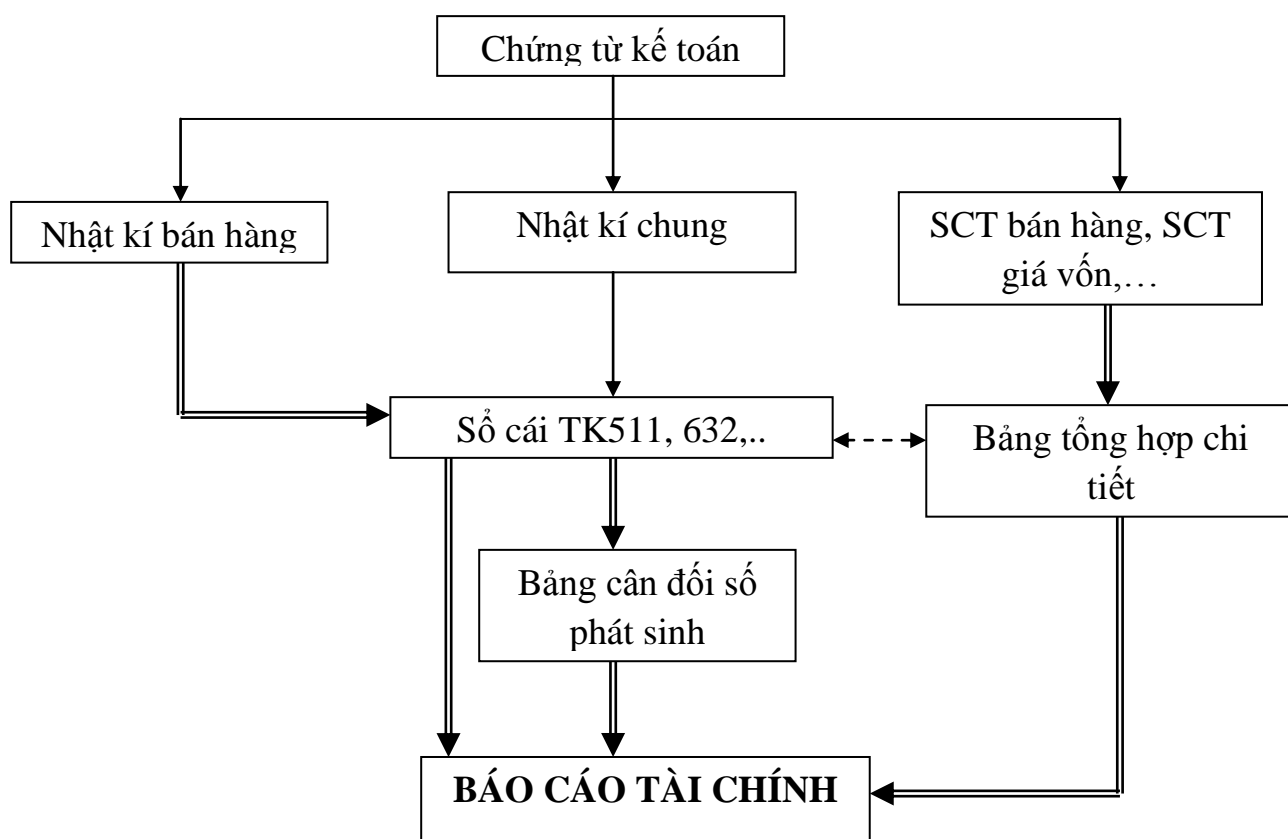


1.5 Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC các doanh nghiệp được áp dụng một trong các hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán nhật kí - chứng từ
- Hình thức kế toán nhật kí sổ cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

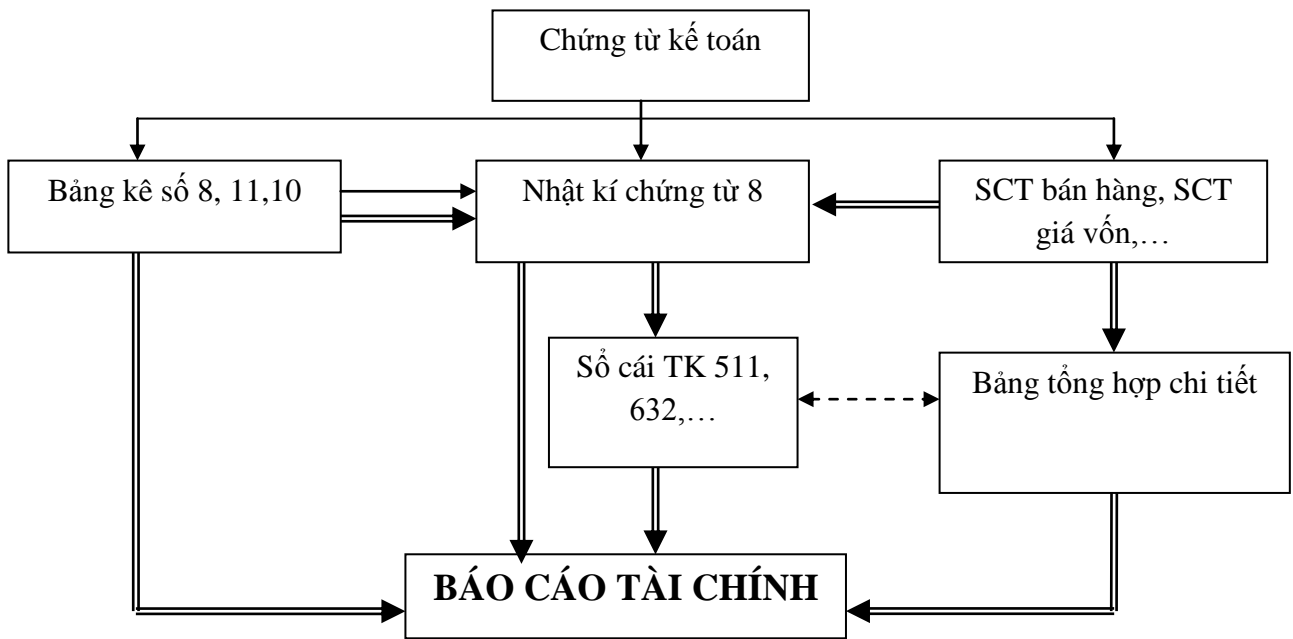
❖ **Hình thức kế toán nhật ký chung**



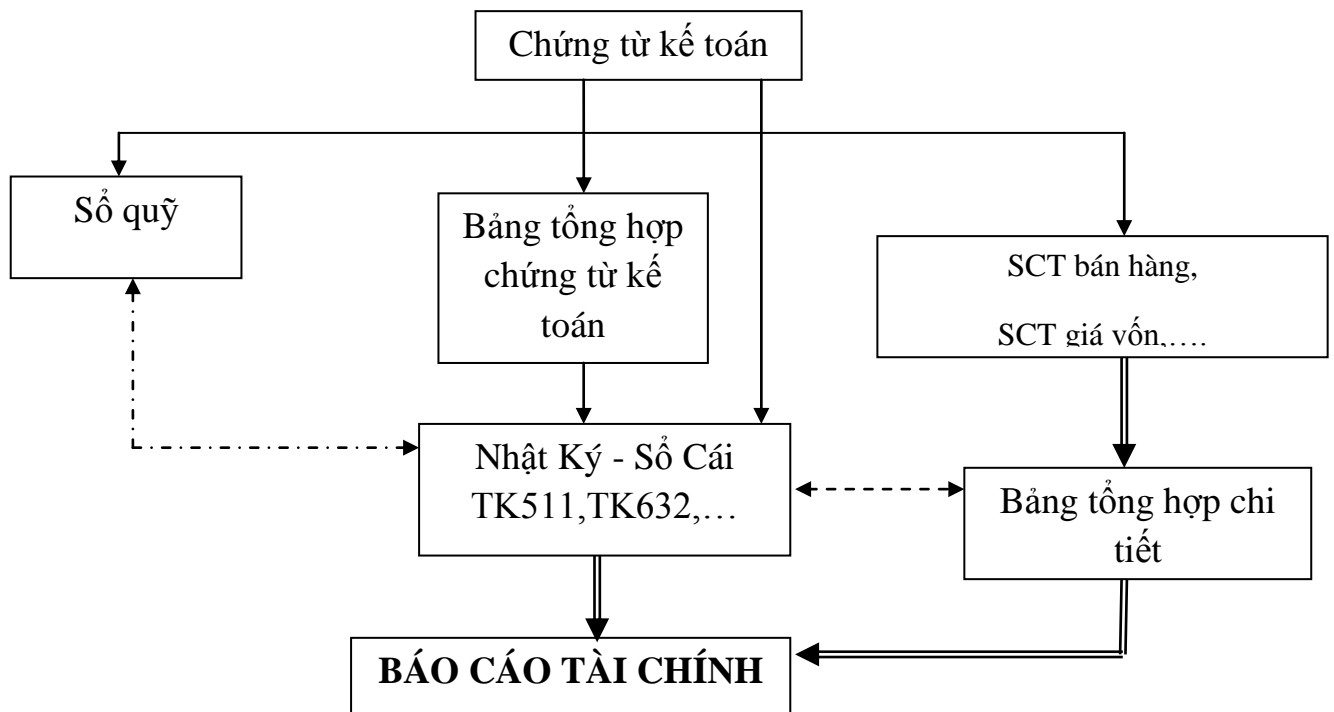
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ
- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra

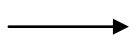
❖ Hình thức Nhật kí chứng từ



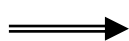
❖ Hình thức nhật kí sổ cái



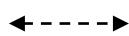
Ghi chú:



Ghi hàng ngày

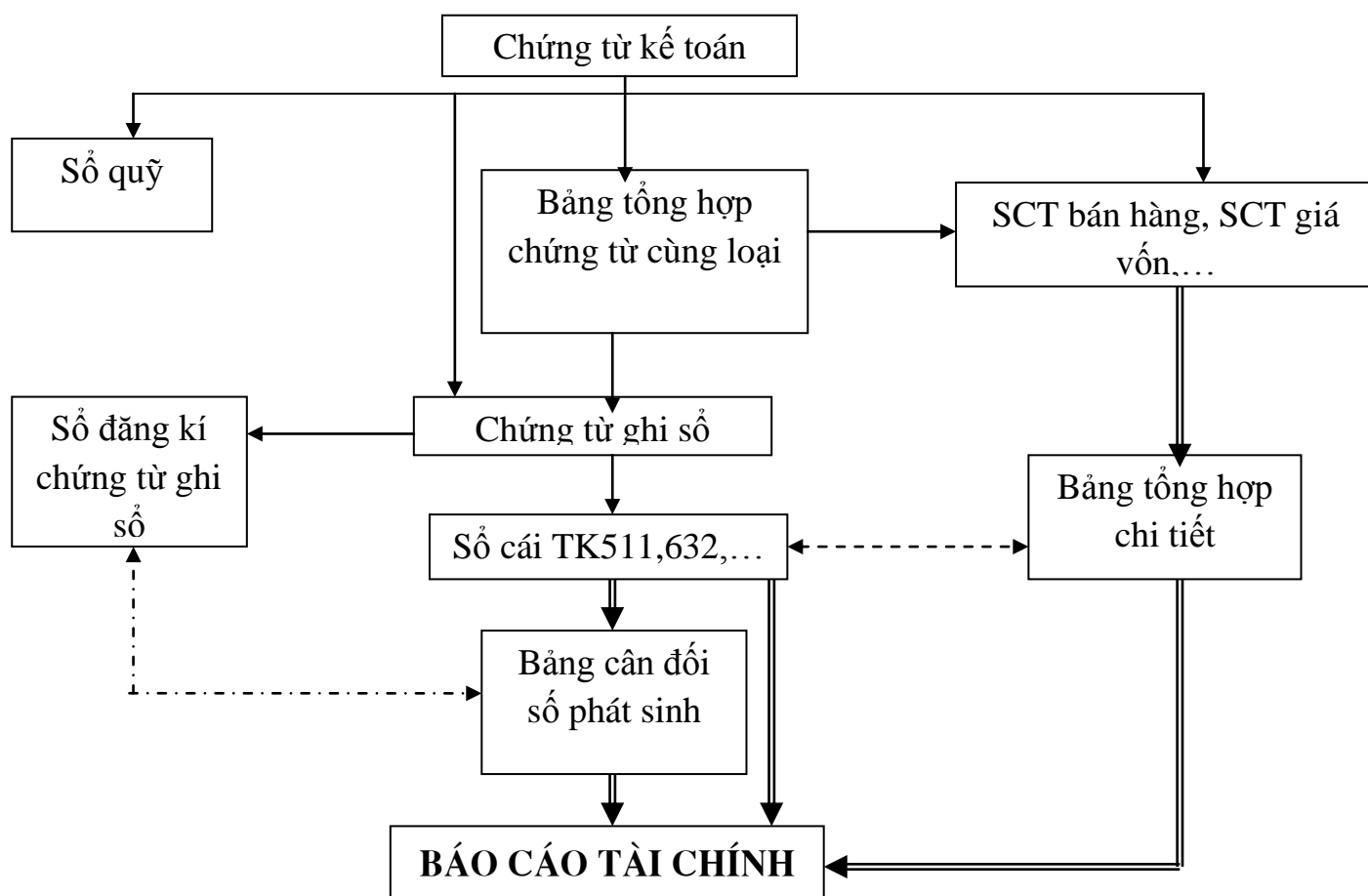


Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ



Đối chiếu kiểm tra

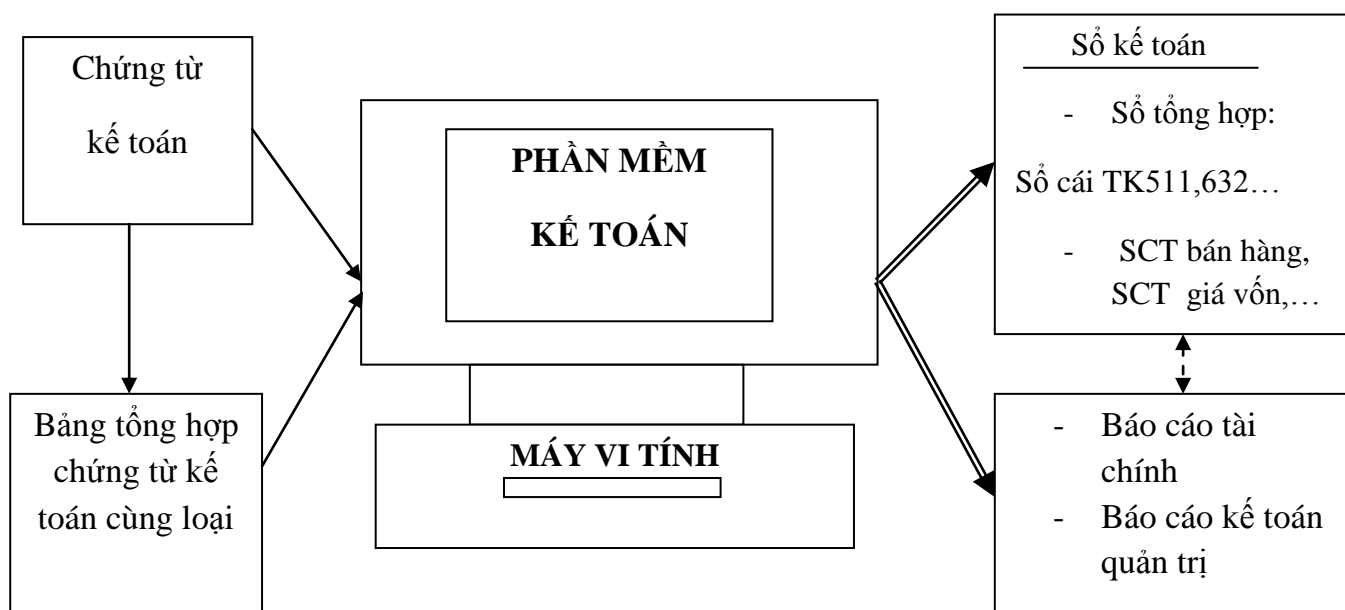
❖ Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu kiểm tra

❖ Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⇄ Đối chiếu kiểm tra

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KIM KHÍ MÀU XANH

2.1 Giới thiệu Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
- Tên tiếng Anh: Blue Metals Company Limited (Blue Metals Co., LD)
- Mã số thuế: 0200765133
- Giám đốc: **BAE JUN HO** – Quốc tịch : Hàn Quốc
- Địa chỉ: **Km 104+ 300, Nguyễn Bình Khiêm – Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng**
- Điện thoại: **(0313)528956**
- Fax: **(0313)528957**
- Email: BlueMetals99@gmail.com
- Website: www.bluemetals.com.vn

Năm 2006, ông Bae Jun Ho sang Việt Nam làm kỹ sư cơ khí, phó giám đốc kỹ thuật cho công ty Hanvico.

Sau một thời gian ông Bae đã nghiên cứu và tìm hiểu thị trường Việt Nam, xây dựng được các mối quan hệ với khách hàng đến năm 2007 ông đã chính thức thành lập công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh.

Tuy đã có thời gian tiếp xúc với môi trường kinh doanh ở Việt Nam nhưng trong thời gian đầu kinh doanh công ty cũng không tránh khỏi những khó khăn của một doanh nghiệp mới thành lập nhất là đối với 1 người quốc tịch nước ngoài. Từ việc tuyển nhân viên có trình độ và kinh nghiệm, tìm kiếm bạn hàng mới... Tuy nhiên sau một vài tháng hoạt động công ty đã dần đi vào ổn định và có vị thế nhất định trong thị trường Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận.

Khi mới thành lập công ty đã thuê trụ sở tại 01 Sở Dầu, Hồng Bàng, trong quá trình kinh doanh mở rộng buôn bán các sản phẩm, công ty đã thuê trụ sở

khác tại Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm, Hải An, Hải Phòng để đảm bảo kho bãi đủ điều kiện và việc vận chuyển sản phẩm được thuận lợi hơn.

BLUEMETALS là nhà cung cấp chuyên nghiệp với các máy móc, thiết bị và vật tư, phụ kiện phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp hàn. Sản phẩm do Công ty cung cấp hiện đang có mặt trên khắp mọi miền đất nước.

Công ty có đội ngũ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, được đào tạo chính quy tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, cùng với đội ngũ nhân viên năng động, nhiệt tình với công việc, chu đáo với khách hàng, BLUEMETALS đã đáp ứng được những yêu cầu khắt khe từ phía người sử dụng bằng những sản phẩm chất lượng cao.

BLUEMETALS ngày càng khẳng định được uy tín và vị trí của mình đối với các khách hàng, bạn hàng. Với sự đa dạng của sản phẩm được nhập khẩu từ các quốc gia như: Hàn Quốc, Trung Quốc ... đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu về chủng loại hàng hóa, chất lượng sản phẩm và giá cả phù hợp với khách hàng, khách hàng sẽ yên tâm khi sử dụng các máy móc, thiết bị do BLUEMETALS cung cấp.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

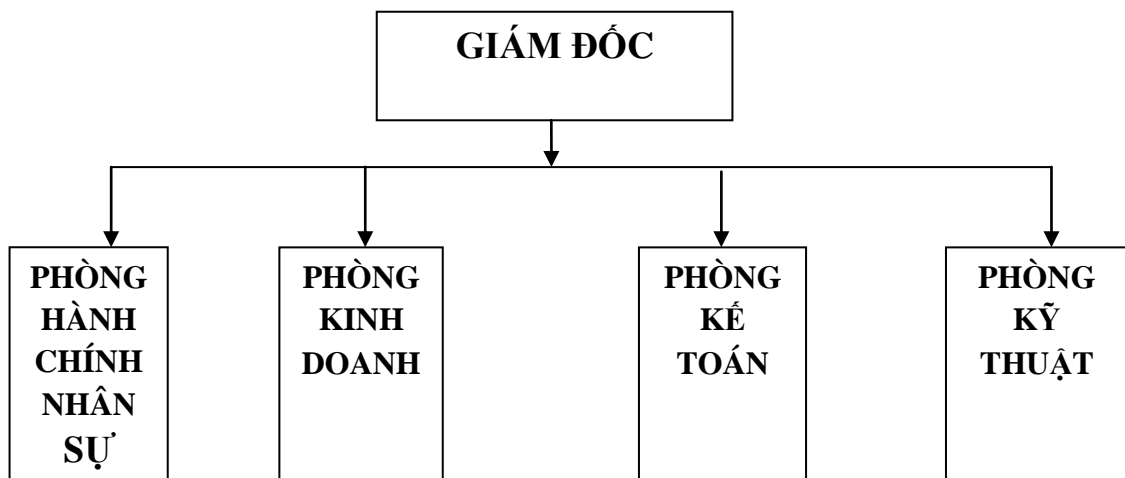
Công ty kinh doanh các loại sản phẩm chủ yếu về ngành hàn như:

- Thiết bị hàn:
 - Bếp hàn 1.2mm
 - dây hàn K71T, 1.2mm
 - que hàn KR3000,4.0mm
 - que hàn KR3000,3.2mm
 - que hàn KR3000,2.6mm
 - Dây hàn KC - 28 CF,1.2mm
 - Que hàn KK – 50 LF,4.0mm
 - Chụp khí 500A
 - Mỏ hàn Plasma P-80
 - Mỏ hàn C02 500A – 3m
 - Mỏ hàn Gouging
 - Thiết bị cắt:
 - bộ mỏ cắt Plasma trong máy hàn hồ quang

- Máy công cụ:
 - máy hàn Panasonic
 - máy hàn Mig-Mag
 - Dây chuyên công nghệ ngành hàn:
 - bết hàn 1.0mm của máy hồ quang
 - bết hàn 0.9mm của máy hồ quang
 - Các sản phẩm khác như:
 - công tắc nút hàn
 - kìm hàn điện 500A
 - sứ lót đường hàn
 - ống cách điện
 - ...

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

Sơ đồ 2.1 : Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận như sau:

- **Giám đốc:** là người đại diện pháp nhân duy nhất của công ty, quản lí chung mọi hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của công ty.

- **Phòng hành chính nhân sự** có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo công nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: tiếp khách, photo, lưu trữ, đảm bảo văn hóa công ty và các công tác hành chính khác.

- **Phòng kinh doanh** thăm dò thị trường, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm nguồn hàng, tìm kiếm bạn hàng tiềm năng...

- **Phòng kế toán** chịu trách nhiệm về thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của đồng vốn cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh.

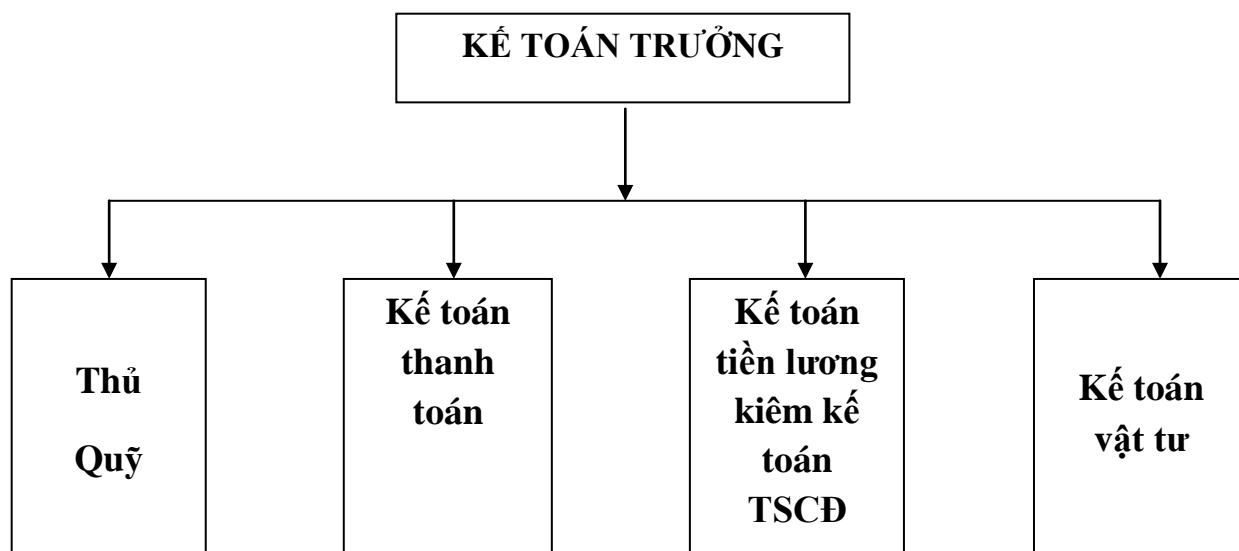
- **Phòng kỹ thuật** đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty, giao nhận hàng hóa, giám sát chất lượng hàng hóa,...

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

Để thực hiện được các yêu cầu của công tác quản lý và hạch toán thống nhất công ty đã áp dụng mô hình tổ chức kế toán tập trung theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Theo sơ đồ trên:

Kế toán trưởng

- Là người giúp việc cho giám đốc công ty, tổ chức chỉ đạo toàn bộ hệ thống kế toán, thống kê tài chính trong công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc công ty và sự chỉ đạo kiểm tra về mặt chuyên môn của cơ quan quản

lý tài chính của Nhà nước, tham vấn cho giám đốc để có thể ra các quyết định hợp lý.

- Theo dõi tình hình bán hàng của công ty hàng ngày, tổng hợp các hóa đơn chứng từ để hạch toán doanh thu.

- Tập hợp các khoản chi phí phát sinh và xác định kết quả kinh doanh.

- Đồng thời tổng hợp các số liệu kế toán trên cơ sở số liệu sổ sách do kế toán viên cung cấp và tiến hành lập báo cáo tài chính, trực tiếp thông báo, cung cấp thông tin nhằm tư vấn cho giám đốc về vấn đề tài chính kế toán của công ty.

Thủ quỹ:

- Có nhiệm vụ và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày thủ quỹ phải kiêm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày.

Kế toán thanh toán:

- Thực hiện thu, chi và lập báo cáo thu, chi theo kế hoạch hàng ngày. Đơn đốc thu công nợ từ khách hàng và lập báo cáo công nợ ...

Kế toán tiền lương kiêm kế toán TSCĐ:

- Tập hợp các chứng từ hóa đơn, các bảng theo dõi lao động, bảng chấm công để tính lương theo chế độ.

- Theo dõi tình hình biến động của tài sản, tiến hành trích khấu hao và phân bổ khấu hao. Cuối năm tiến hành kiểm kê và lập biên bản kiểm kê.

Kế toán vật tư:

- Theo dõi toàn bộ hoạt động nhập - xuất - tồn của các loại vật tư, hàng hóa.

2.1.4.2 Hình thức kế toán và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

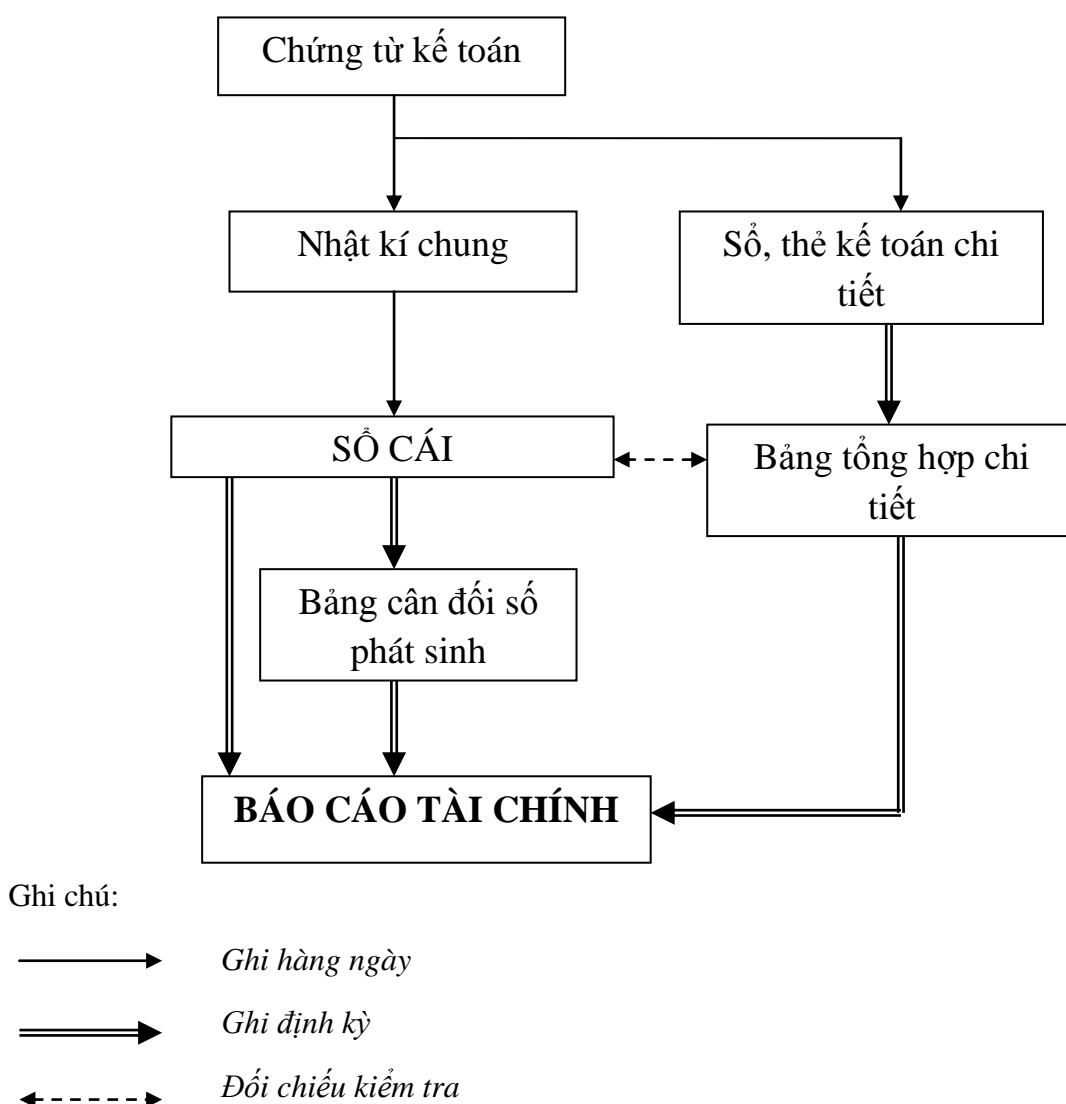
- Hình thức kế toán áp dụng là hình thức Nhật ký chung.

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Đơn vị tiền tệ dùng trong ghi chép kế toán là VNĐ. Nếu có phát sinh các ngoại tệ thì ngoại tệ đó sẽ được quy đổi ra đồng VN theo tỷ giá thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.
- Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán tiến hành ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, đồng thời kế toán cũng tiến hành ghi vào sổ, thẻ chi tiết các tài khoản liên quan, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để tiến hành ghi vào sổ cái.

Cuối năm căn cứ vào số liệu ghi trên sổ cái kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ thẻ kế toán chi tiết) kế toán bắt đầu lập báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

2.2.1.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

✓ **Phương thức bán hàng:** bán hàng theo phương thức trực tiếp

✓ **Hình thức thanh toán:**

- Hình thức trả tiền ngay: trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.
- Hình thức bán chịu đối với khách hàng lớn, có tiềm lực về tài chính, khách hàng truyền thống.

✓ **Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho**

Tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh giá vốn hàng xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu xuất kho...

❖ Tài khoản sử dụng

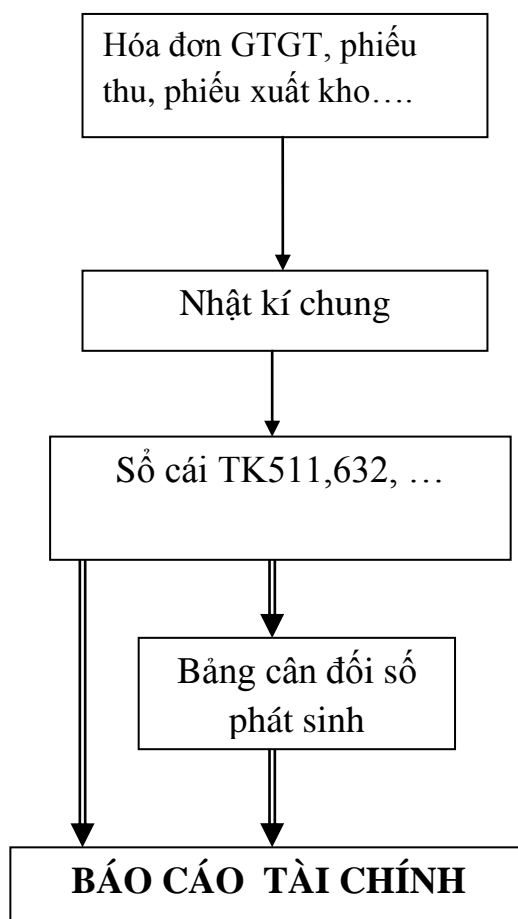
- TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK632 – Giá vốn hàng bán

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK632, TK511...

-

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán



Ghi chú:

—————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối năm

Các ví dụ minh họa:

Ví dụ 1:

Ngày 22 tháng 12 năm 2010 bán cho công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng- Việt Nam 2 bộ mỏ cắt plasma P-80, mỏ hàn C02 500A-3m, mỏ hàn Gouging với tổng giá thanh toán 107.223.600, thuế GTGT 10%. Công ty chưa thu tiền.

Ví dụ 2:

Ngày 30 tháng 12 năm 2010 bán cho công ty CP dịch vụ và thương mại Nguyên Vũ 01 bếp hàn 1.2mm, 01 chụp khí 500A với tổng giá thanh toán 2.079.000, thuế GTGT 10%. Công ty đã thu bằng tiền mặt.

- Kế toán lập hóa đơn GTGT số **0054275 (biểu 2.1)** , hóa đơn GTGT số **0054283 (biểu 2.2)**

- Kế toán lập phiếu xuất kho số 12/12(**biểu 2.3**), phiếu xuất kho số 19/12(**biểu 2.4**), phiếu thu số 12/12(**biểu 2.5**).

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu, kế toán vào sổ Nhật ký chung (**biểu 2.6**), sau đó căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK511 (**biểu 2.7**), sổ cái TK632 (**biểu 2.8**).

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT - 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		NB/2010B			
Liên 3: Nội bộ		0054275			
Ngày 22 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh					
Địa chỉ: Km104 + 300. Nguyễn Bình Khiêm – Đông Hải I - Hải An – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MS: 0200765133			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Công Nghiệp Nặng DooSan Hải Phòng – Việt Nam					
Địa chỉ: Km 92- Quốc lộ 5 – Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:		MS: 0200109075			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x 2
01	Mỏ cắt Plasma P-80	Bộ	2	1.638.000	3.276.000
02	Mỏ hàn C02 500 – 3m	Bộ	30	1.480.000	44.400.000
03	Mỏ hàn Gouging	Bộ	30	1.660.000	49.800.000
Cộng tiền hàng:					97.476.000
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		9.747.600
Tổng cộng tiền thanh toán:					107.223.600
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu 2.1: Hóa đơn số 0054275

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT - 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		NB/2010B			
Liên 3: Nội bộ		0054283			
Ngày 30 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh					
Địa chỉ: Km104 + 300. Nguyễn Bình Khiêm – Đông Hải I - Hải An – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MS: 0200765133			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Nguyên Vũ					
Địa chỉ: Số 1 – An Chân – Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: TM		MS: 0201099248			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x 2
01	Bếp hàn 1.2mm	Chiếc	100	7.500	750.000
02	Chụp khí 500A	Chiếc	40	28.500	1.140.000
Cộng tiền hàng:					1.890.000
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		189.000
Tổng cộng tiền thanh toán					2.079.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng .					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu 2.2: Hóa đơn số 0054283

Biểu 2.3: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2010
 Số 12/12

Nợ: TK632
 Có: TK156

- Họ và tên người nhận hàng: Cao Thị Thu Hương Địa chỉ: phòng kinh doanh
- Lý do xuất hàng: bán hàng
- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

STT	Tên hàng	Mã hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Mỏ cắt Plasma P -80		Bộ	2	1.282.500	2.565.000
2	Mỏ hàn C02 500A		Bộ	30	1.340.000	40.200.000
3	Mỏ hàn Gouging		Bộ	30	1.178.270	35.348.095
	Cộng:					78.113.095

Cộng thành tiền: Bảy mươi tám triệu một trăm mười ba nghìn không trăm chín mươi lăm đồng.

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu	Người nhận	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu 2.4: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 12 năm 2010
 Số 19/12

Nợ: TK632
 Có: TK156

- Họ và tên người nhận hàng: Cao Thị Thu Hương Địa chỉ: phòng kinh doanh
- Lý do xuất hàng: bán hàng
- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

STT	Tên hàng	Mã hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền
A	B	A	D	1	2	3
1	Bếp hàn 1.2mm		Chiếc	100	6.800	680.000
2	Chụp khí 500A		Chiếc	40	23.195	927.780
	Cộng:					1.607.780

Cộng thành tiền: Một triệu sáu trăm linh bảy nghìn bảy trăm tám mươi đồng.

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu	Người nhận	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU
Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Quyển số:....

Số: 12/12

Nợ: TK111

Có: TK511/3331

Họ tên người nộp tiền: Cao Thị Thu Hương

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do nộp: tiền bán hàng

Số tiền: 2.079.000

Số tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:....HĐ 0054283 chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nộp
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: Hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn.

Biểu 2.5: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm,
Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành kèm theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
22/12	HD54275	22/12	Doanh thu bán hàng cho Doosan HP- VN			131	107.223.600	
						511		97.476.000
						3331		9.746.600
22/12	PXK12/12	22/12	Xuất hàng hóa theo HD0054275			632	78.113.095	
						156		78.113.095
...
30/12	PT12/12	30/12	Thu tiền bán hàng cty CP DV và TM Nguyễn Vũ			111	2.079.000	
						511		1.890.000
						333		189.000
30/12	PXK19/12	30/12	Xuất hàng hóa theo HD0054283			632	1.607.780	
						156		1.607.780
30/12	PC20/12	30/12	Trần Thu Trang nộp tiền vào TK Ngân hàng			1121	40.000.000	
						111		40.000.000
31/12	PT14/12	31/12	DNTN Bảo Anh TT tiền hàng			111	90.000.000	
						131		90.000.000
...
			Tổng số phát sinh:	x	x	x	25.347.366.579	25.347.366.579

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.6: Trích Sổ Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu tài khoản: 511

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
14/12	HĐ54269	14/12	Doanh thu bán hàng cho DNTN Bảo Anh		131		126.600.000
...
22/12	HĐ54275	22/12	Doanh thu bán hàng cho DooSan HP-VN		131		97.476.000
...
30/12	PT12/12	30/12	Thu tiền bán hàng Cty CP DV và TM Nguyễn Vũ		111		1.890.000
...
31/12	HĐ54285	31/12	Doanh thu bán hàng cho Jungdoovina		131		50.480.000
31/12	PKT06/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng xác định kết quả kinh doanh		911	3.605.282.740	
			Cộng số phát sinh:			3.605.282.740	3.605.282.740
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Biểu 2.7: Trích Sổ Cái TK511

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải
 I, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu tài khoản: 632

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
14/12	PXK04/12	14/12	Xuất hàng bán cho DNTN Bảo Anh theo HĐ0054269		156	102.375.000	
...
22/12	PXK12/12	22/12	Xuất hàng bán cho DN DooSan theo HĐ 0054275		156	78.113.095	
...
30/12	PXK19/12	30/12	Xuất hàng bán cho Cty Nguyên Vũ theo HĐ 0054283		156	1.607.780	
31/12	PXK20/12	31/12	Xuất hàng bán cho Cty Jungdo Vina		156	45.205.479	
31/12	PKT09/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán xác định kết quả kinh doanh		911		3.058.828.646
			Cộng số phát sinh:			3.058.828.646	3.058.828.646
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Biểu 2.8: Trích Sổ Cái TK632

2.2.1.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

Công ty không phát sinh chi phí bán hàng.

Chi phí QLDN bao gồm chi phí nhân viên quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí và lệ phí; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

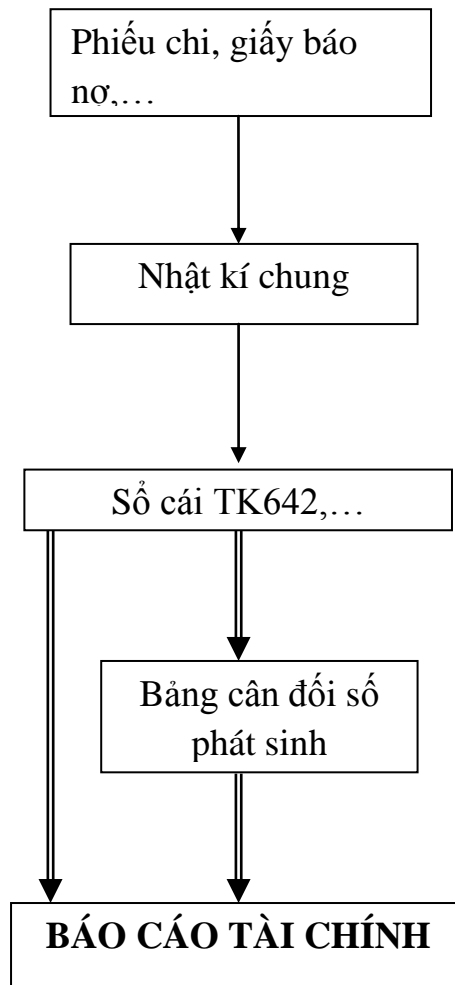
❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK642: chi phí quản lý doanh nghiệp
 - TK6421: chi phí nhân viên quản lý
 - TK6423: chi phí đồ dùng văn phòng
 - TK6424: chi phí khấu hao TSCĐ
 - TK6425: thuế, phí và lệ phí
 - TK6427: chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK6428: chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối năm

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 3:

Ngày 06 tháng 12 năm 2010, chi tiền mặt cho Trần Thu Trang thanh toán tiền tiếp khách cho công ty TNHH dịch vụ và thương mại Việt Hàn, số tiền 2.200.000VNĐ (thuế GTGT 10%).

- Căn cứ vào HĐ 0046056 (**Biểu 2.9**).

- Kế toán lập phiếu chi 04/12(**biểu 2.10**), căn cứ vào phiếu chi 04/12 kế toán vào sổ nhật ký chung (**biểu 2.11**), từ sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK642 (biểu **2.12**).

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT - 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		PQ/2010B			
Liên 2: Giao khách hàng		0046056			
Ngày 06 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Dịch Vụ Và Thương Mại Việt Hàn					
Địa chỉ: 129 Khu Trung Cư Thụ Trung Phường Đằng Lâm- HA- HP					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MS: 0200827887			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh					
Địa chỉ: Km 104+300 Nguyễn Bình Khiêm - Đông Hải – Hải An – Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: TM		MS: 0200765133			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x 2
01	Tiếp khách ăn uống				2.000.000
Cộng tiền hàng:					2.000.000
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		200.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng ./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu 2.9: Hóa đơn số 0046056

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

Quyển số:.....

Số: 04/12

Nợ: 6428

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Trần Thu Trang

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách cho công ty TNHH Dịch vụ và Thương
mại Việt Hàn

Số tiền: 2.200.000

Số tiền bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: HĐ 0046056chứng từ gốc.

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nộp
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Biểu 2.10: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Số cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
06/12	PC04/12	06/12	Thanh toán tiền tiếp khách cho Cty DV & TM Việt Hàn			6428	2.000.000	
						133	200.000	
						111		2.200.000
10/12	PC07/12	10/12	Chi tiền thanh toán tiền điện thoại cho VNPT			6427	787.577	
						133	78.758	
						111		866.335
...
14/12	PT06/12	14/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt			111	10.000.000	
						1121		10.000.000
14/12	GBC0014	14/12	Công ty KPI thanh toán tiền hàng			1121	102.760.240	
						131		102.760.240
...
31/12	PC21/12	31/12	Thanh toán tiền thuê kho cho công ty CPCN			6427	2.400.000	
						133	240.000	
						111		2.640.000
...
			Cộng số phát sinh:				25.347.366.579	25.347.366.579

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
 Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

Biểu 2.11: Trích Sổ Nhật Ký Chung

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu tài khoản: 642

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
06/12	PC04/12	06/12	Thanh toán tiền tiếp khách cho Cty TNHH DV & TM Việt Hàn		111	2.000.000	
..	
10/12	PC07/12	10/12	Chi tiền thanh toán tiền điện thoại cho VNPT		111	787.577	
...	
31/12	PC21/12	31/12	Thanh toán tiền thuê kho cho cty CPCN		111	2.400.000	
31/12	BKHT12	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ T12		214	2.160.460	...
31/12	BLT12	31/12	Chi phí tiền lương tháng 12		334	27.500.000	
31/12	PKT10/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh		911		528.460.162
			Cộng số phát sinh:			528.460.162	528.460.162
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Biểu 2.12: Trích Sổ Cái TK642

2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty: lãi tiền gửi.

Chi phí tài chính: chủ yếu là lãi vay ngân hàng.

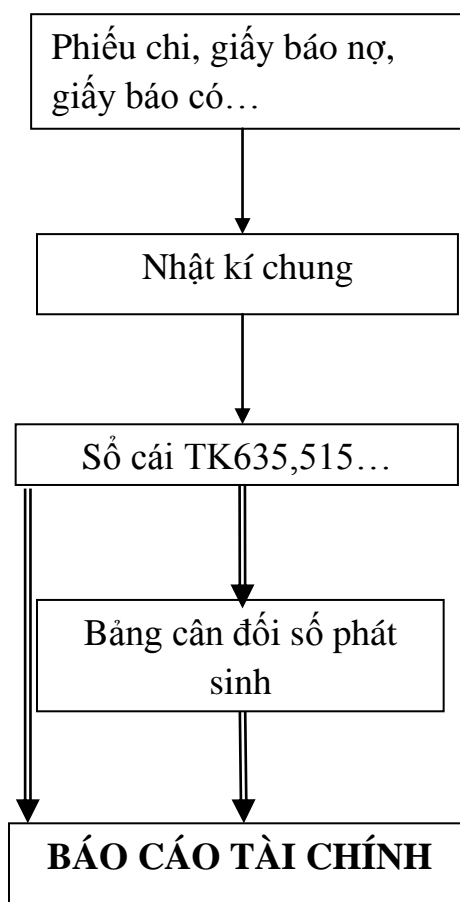
❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Giấy báo có, giấy báo nợ

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK515 – doanh thu hoạt động tài chính
- TK635 – chi phí hoạt động tài chính

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính



Ghi chú:

—————> Ghi hàng ngày



Ghi cuối năm

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 4:

Ngày 31 tháng 12 năm 2010 công ty nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương – chi nhánh Hải Phòng.

Trong năm không phát sinh chi phí tài chính .

Từ giấy báo có (**biểu 2.13**), kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung(**biểu 2.14**), từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK515 (**biểu 2.15**).

Biểu 2.13: Giấy báo có

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN

Chi nhánh Hồng Bàng – Hải Phòng

MST của CN: 0100112437004

GIẤY BÁO CÓ

Số:00027

Tên khách hàng:

Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

Địa chỉ: Km104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

MST của KH: 0200765133

Thông báo với khách hàng:

Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền như sau:

Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc trả bằng tiền mặt số tiền như sau:

Diễn giải	Trả lãi tiền gửi
Số TK:00310008768878	Số giao dịch: 212OTT1000424
Số tiền:	172.572,00

Số tiền (viết bằng chữ): Một trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng.

Người in: Đỗ Hồng Ân

Ngày in: 31/12/2010

Giờ in: 08:20:01

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
1/12	PT01/12	1/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt			111	10.000.000	
						1121		10.000.000
...
10/12	PC07/12	10/12	Chi tiền thanh toán tiền điện thoại cho VNPT			6427	787.577	
						133	78.758	
						111		866.335
...
30/12	PC20/12	30/12	Trần Thu Trang nộp tiền vào TKNH			1121	40.000.000	
						111		40.000.000
...
31/12	GBC00027	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng VCB			1121	172.572	
						515		172.572
...
			Tổng số phát sinh:				25.347.366.579	25.347.366.579

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.14: Trích Sổ Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
 Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu tài khoản: 515

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang số nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
31/12	GBC00027	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng VCB		1121		172.572
31/12	PKT07/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính xác định kết quả kinh doanh		911	1.280.972	
			Cộng số phát sinh:			1.280.972	1.280.972
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Biểu 2.15: Trích Sổ Cái TK515

2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh.

Thu nhập khác của công ty chủ yếu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và thu từ phạt hợp đồng.

Chi phí khác của công ty chủ yếu là giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý nhượng bán, các khoản tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng kinh tế...

❖ **Chứng từ sử dụng:**

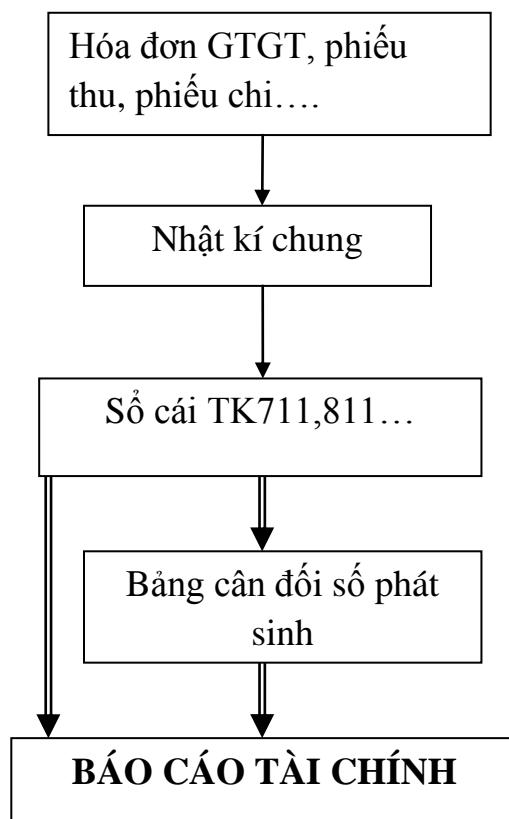
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý TSCĐ...
- Phiếu thu, phiếu chi...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK711: thu nhập khác
- TK811: chi phí khác

❖ **Quy trình hạch toán :**

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác:



Ghi chú:

—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối năm

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 5:

- Ngày 03 tháng 08 năm 2010, công ty tiến hành nhượng bán 01 chiếc máy tiện kim loại có nguyên giá 29.687.831VNĐ, được đưa vào sử dụng T11/2008, thời gian sử dụng 3 năm, hao mòn lũy kế 16.493.240 VNĐ, giá trị còn lại là 13.194.591VNĐ. Công ty bán lại cho công ty TNHH Thương mại và sản xuất cơ khí TMC với tổng giá thanh toán 17.050.000 VNĐ (thuế GTGT 10%).

- Kế toán lập hóa đơn GTGT số 0041807 (biểu 2.16), phiếu kế toán 05/08 (biểu 2.17), kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung (biểu 2.18) và sổ cái TK711(biểu 2.19), TK811 (biểu 2.20).

<p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 03 tháng 08 năm 2010</p>		<p>Mẫu số: 01 GTKT - 3LL GE/2010B 0041807</p>			
<p>Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Kim Khí Màu Xanh</p> <p>Địa chỉ: Km 104 + 300, Nguyễn Bình Khiêm – Đông Hải I- Hải An – Hải Phòng</p> <p>Số tài khoản:</p> <p>Điện thoại: MS: 0200765133</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Nguyễn Phương Thúy</p> <p>Tên đơn vị: Cty TNHH Thương mại và sản xuất cơ khí TMC</p> <p>Địa chỉ: 12 Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP. HCM</p> <p>Số tài khoản:.....</p> <p>Hình thức thanh toán: MS: 0301731518</p>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x 2
01	Nhượng bán máy tiện kim loại, đặt cố định			15.500.000	15.500.000
Cộng tiền hàng:					15.500.000
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		1.550.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.050.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu 2.16: Hóa đơn số 41807

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải an, Hp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 03 tháng 08 năm 2010

Số: PKT05/08

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xóa sổ máy tiện kim loại nhượng bán	811	211	13.194.591
		214	211	16.493.240
	Cộng:			29.687.831

Ngày 03 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Dương Thị Như Ngọc

Biểu 2.17: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
 Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
03/08	HĐ0041807	03/08	Nhượng bán TSCĐ cho Cty TNHH Thương mại và sản xuất cơ khí TMC			131	17.050.000	
						711		15.500.000
						33311		1.550.000
03/08	PKT05/08	03/08	Xóa sổ TSCĐ nhượng bán			811	13.194.591	...
						214	16.493.240	
						211		29.687.831
...
01/12	PNK01/12	01/12	Nhập kho hàng hóa từ Cty TNHH ViNa Bumhoo			156	453.375.000	
						133	45.337.500	
						331		498.712.500
...
31/12	BLT12	31/12	Chi phí lương cho nhân viên			642	27.500.000	
						334		27.500.000
...
			Tổng số phát sinh:				25.347.366.579	25.347.366.579

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.18: Trích Sổ Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
 Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu tài khoản: 711

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trạng số nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
03/08	HĐ41807	03/08	Nhượng bán TSCĐ cho cty TNHH thương mại và sản xuất cơ khí TMC		131		15.500.000
...
31/12	PKT08/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác xác định kết quả kinh doanh		911	49.792.300	
			Cộng số phát sinh:			49.792.300	49.792.300
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Biểu 2.19: Trích Sổ Cái TK711

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
 Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu tài khoản: 811

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
03/08	PKT05/08	03/08	Giá trị còn lại của TSCĐ		211	13.194.591	
...
31/12	PKT11/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác xác định kết quả kinh doanh		911		46.581.416
			Cộng số phát sinh:			46.581.416	46.581.416
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Biểu 2.20: Trích Sổ Cái TK811

2.2.4 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Cuối năm xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán:

❖ Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần} &= \text{tổng doanh thu} - \text{các khoản giảm trừ} \\ &= 3.605.282.740 - 0 \\ &= 3.605.282.740 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lãi gộp} &= \text{doanh thu thuần} - \text{giá vốn hàng bán} \\ &= 3.605.282.740 - 3.058.828.646 \\ &= 546.454.094 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD} &= \text{lãi gộp} - \text{chi phí quản lý doanh nghiệp} \\ &= 546.454.094 - 528.460.162 \\ &= 17.993.932 \end{aligned}$$

❖ Đối với hoạt động tài chính:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} &= \text{thu nhập từ hoạt động TC} - \text{chi phí TC} \\ &= 1.280.972 - 0 \\ &= 1.280.972 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{❖ Đối với hoạt động khác} &= \text{thu nhập khác} - \text{chi phí khác} \\ &= 49.792.300 - 46.581.416 \\ &= 3.170.884 \end{aligned}$$

✚ Xác định kết quả kinh doanh

$$\begin{aligned} \text{Tổng lợi nhuận trước thuế} &= 17.993.932 + 1.280.972 + 3.170.884 \\ &= 22.445.788 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Thuế TNDN phải nộp} &= 22.445.788 \times 25\% \\ &= 5.611.447 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} &= 22.445.788 - 5.611.447 \\ &= 16.834.341 \end{aligned}$$

❖ **Chứng từ sử dụng:**

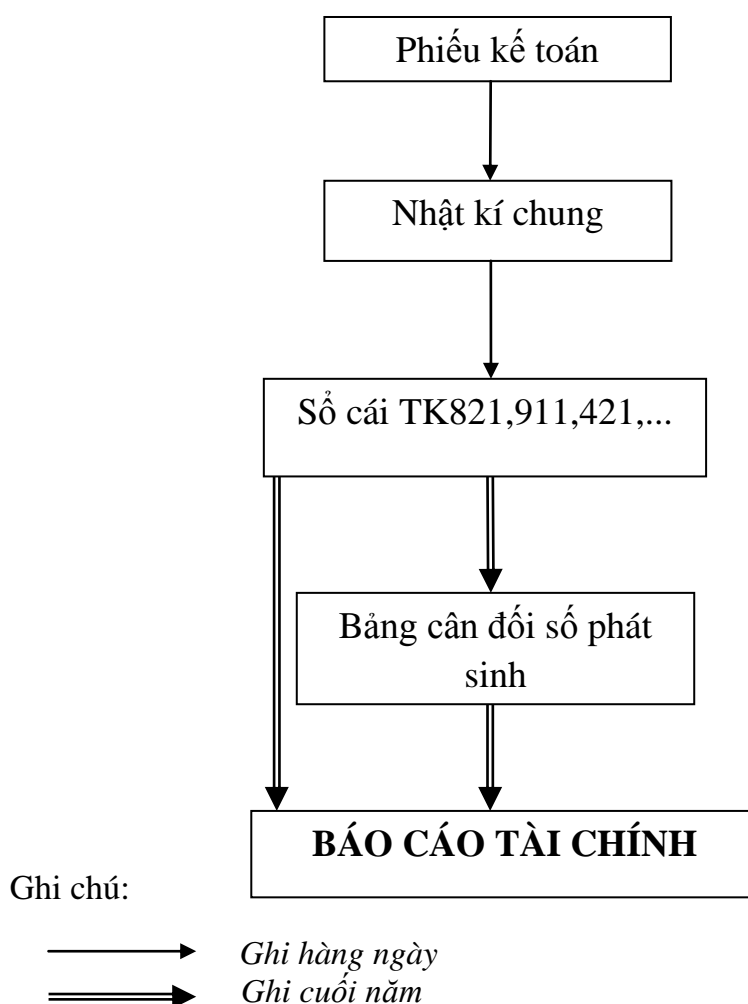
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK421: Lợi nhuận chưa phân phối

❖ **Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh



Ví dụ minh họa:

Ví dụ 6:

Ngày 31/12/2010 từ các phiếu kế toán (**biểu 2.21,biểu 2.22,biểu 2.23, biểu 2.24,biểu 2.25, biểu 2.26, biểu 2.27, biểu 2.28, biểu 2.29**) kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung (**biểu 2.30**), và sổ cái TK821 (**biểu 2.31**), TK911(**biểu 2.32**), TK421 (**biểu 2.33**).

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải an, Hp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT06/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ xác định kết quả kinh doanh	511	911	3.605.282.740
	Cộng:			3.605.282.740

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Người lập biểu
 Dương Thị Như Ngọc

Biểu 2.21: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải an, Hp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT07/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính xác định kết quả kinh doanh	515	911	1.280.972
	Cộng:			1.280.972

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Người lập biểu
 Dương Thị Như Ngọc

Biểu 2.22: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải an, Hp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT08/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thu nhập khác xác định kết quả kinh doanh	711	911	49.792.300
	Cộng:			49.792.300

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Người lập biểu
 Dương Thị Như Ngọc

Biểu 2.23: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải an, Hp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT09/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán xác định kết quả kinh doanh	911	632	3.058.828.646
	Cộng:			3.058.828.646

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Người lập biểu
 Dương Thị Như Ngọc

Biểu 2.24: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải an, Hp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT10/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh	911	642	528.460.162
	Cộng:			528.460.162

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Người lập biểu
 Dương Thị Như Ngọc

Biểu 2.25: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải an, Hp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT11/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí khác xác định kết quả kinh doanh	911	811	46.581.416
	Cộng:			46.581.416

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Người lập biểu
 Dương Thị Như Ngọc

Biểu 2.26: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải an, Hp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT12/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	5.611.447
	Cộng:			5.611.447

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Dương Thị Như Ngọc

Biểu 2.27: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải an, Hp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT13/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh	911	821	5.611.447
	Cộng:			5.611.447

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Dương Thị Như Ngọc

Biểu 2.28: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,
 Đông Hải I, Hải an, Hp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT14/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	16.834.341
	Cộng:			16.834.341

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Dương Thị Như Ngọc

Biểu 2.29: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	H	1	2
...
31/12	PKT06/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng		511	3.605.282.740	
					911		3.605.282.740
31/12	PKT07/12	31/12	K/C doanh thu hoạt động TC		515	1.280.972	
					911		1.280.972
31/12	PKT08/12	31/12	K/C thu nhập khác		711	49.792.300	
					911		49.792.300
31/12	PKT09/12	31/12	K/C giá vốn hàng bán		911	3.058.828.646	
					632		3.058.828.646
31/12	PKT10/12	31/12	K/C chi phí QLDN		911	528.460.162	
					642		528.460.162
31/12	PKT11/12	31/12	K/ C chi phí khác		911	46.581.416	
					811		46.581.416
31/12	PKT12/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp		821	5.611.447	
					3334		5.611.447
31/12	PKT13/12	31/12	K/C chi phí thuế TNDN		911	5.611.447	
					821		5.611.447
31/12	PKT14/12	31/12	K/ C lợi nhuận sau thuế TNDN		911	16.834.341	
					421		16.834.341
			Tổng số phát sinh:			25.347.366.579	25.347.366.579

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.30: Trích Sổ Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
 Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu tài khoản: 821

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang số nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
31/12	PKT12/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp		3334	5.611.447	
31/12	PKT13/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN		911		5.611.447
			Cộng số phát sinh:			5.611.447	5.611.447
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Biểu 2.31: Trích Sổ Cái TK821

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I,
 Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu tài khoản: 911

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang số nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
31/12	PKT06/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng		511		3.605.282.740
31/12	PKT07/12	31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động TC		515		1.280.972
31/12	PKT08/12	31/12	Kết chuyển Thu nhập khác		711		49.792.300
31/12	PKT09/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán		632	3.058.828.646	
31/12	PKT10/12	31/12	Kết chuyển QLDN		642	528.460.162	
31/12	PKT11/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác		811	46.581.416	
31/12	PKT13/12	31/12	K/C chi phí thuế TNDN		821	5.611.447	
31/12	PKT14/12	31/12	K/C lợi nhuận sau thuế TNDN		421	16.834.341	
			Cộng số phát sinh:			3.656.316.012	3.656.316.012
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Biểu 2.32: Trích Sổ Cái TK911

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu tài khoản: 421

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			27.556.257	
			Số phát sinh:				
31/12	PKT14/12	31/12	K/C lợi nhuận sau thuế TNDN		911		16.834.341
			Cộng số phát sinh:				16.834.341
			Số dư cuối kỳ:			10.721.916	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Biểu 2.33: Trích Sổ Cái TK421

CHƯƠNG 3 :

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KIM KHÍ MÀU XANH

3.1 Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

3.1.1 Kết quả đạt được

3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với tình hình kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên thực hiện nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng.

Các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế, nhiệt tình với nghề, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, vì thế công tác kế toán trong công ty đã phần nào giảm thiểu được sai sót, gian lận.

- Công tác kế toán tại công ty đã phản ánh đầy đủ các hoạt động kinh tế, theo dõi chặt chẽ, chi tiết tình hình kinh doanh nói chung và tình hình doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng của từng năm.

3.1.1.2 Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng

Các chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán áp dụng trong quá trình hạch toán đều sử dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

➤ Chứng từ kế toán

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại công ty cơ bản là thực hiện theo đúng quy định của Bộ Tài Chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận, quy trình luân chuyển chứng từ được thực hiện kịp thời, khoa học.

➤ Hệ thống tài khoản, sổ sách sử dụng

- Công ty sử dụng đầy đủ các tài khoản phản ánh doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh .

- Công ty sử dụng tương đối đầy đủ sổ sách kế toán phản ánh doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh. Sổ sách được mở đúng mẫu theo quy định, được ghi chép rõ ràng, chính xác.

3.1.2 Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh vẫn còn có những hạn chế nhất định.

3.1.2.1 Về việc sử dụng sổ sách kế toán tại công ty

Công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn riêng cho từng loại hàng gây khó khăn cho việc theo dõi, xác định lợi nhuận của từng loại hàng, Mặt khác công ty cũng không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 nên không theo dõi được chi tiết từng chi phí phát sinh cho tài khoản này.

3.1.2.2 Công ty chưa lập dự phòng phải thu khó đòi

Hiện nay, công ty có nhiều khách hàng chậm thanh toán trong khi đó công ty **chưa lập dự phòng phải thu khó đòi** sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt vốn một cách đột ngột ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh trong doanh nghiệp...

Biểu 3.1: Báo cáo tình hình công nợ năm 2010

Biểu 3.1: Báo cáo tình hình công nợ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2010

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ đầu kỳ	Số tiền nợ trong kỳ	Số tiền đã trả	Số tiền nợ cuối kỳ	Ghi chú
1	Công ty CP Cấp điện LS	0	211.868.800	0	211.868.800	
2	Công ty TNHH CNN	12.777.450	567.837.050	428.290.000	152.324.500	
3	Công ty CP XNK Miền bắc	0	509.088.500	0	509.088.500	
4	Công ty CP OST	1.622.650	0	0	1.622.650	Quá hạn thanh toán 14T
5	DN tư nhân Bảo Anh	0	377.360.000	282.840.000	94.520.000	
6	Công ty TNHH Jungdo Vina	0	451.341.000	199.579.270	251.761.722	
..
11	TMC	54.690.500	0	0	54.690.500	Quá hạn thanh toán 22T
12	Công ty TNHH Sinh Huy	51.045.658	0	0	51.045.658	Quá hạn thanh toán 10T
13	Công ty CP Samjung ViNa	251.761.722	0	0	251.761.722	Quá hạn thanh toán 9T
...
20	Công ty THNN Đồng Tâm	129.627.747	112.709.969	90.890.000	152.248.716	
21	Công ty TNHH An Tiên	1.871.002	0	0	1.871.002	Quá hạn thanh toán 28T
...
36	Công ty TNHH Đại Nam	104.040.059	79.559.766	157.230.241	26.369.584	
	Tổng cộng:	939.973.994	3.865.851.615	2.520.464.459	2.285.361.150	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ky, họ tên)

Giám đốc
(ky, họ tên)

3.1.2.3 Công ty chưa áp dụng chiết khấu thanh toán

Công ty **chưa áp dụng chiết khấu thanh toán** nên không có sự kích thích người mua thanh toán trước thời hạn vì thế dẫn đến tình trạng thu hồi vốn chậm, có khả năng bị chiếm dụng vốn...

3.1.2.4 Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán

Tuy công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Đối với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn nhiều nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các công tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Đối với nhân viên kế toán mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ; công tác tính toán, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt lên báo cáo tài chính rất vất vả...

3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh.

3.2.1 Giải pháp hoàn thiện hệ thống sổ sách sử dụng

- Sử dụng sổ chi tiết doanh thu, giá vốn giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng, từ đó xác định được lợi nhuận gộp đối với từng mặt hàng giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

- Sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí nếu cần thiết để góp phần tăng lợi nhuận.

Dưới đây là biểu mẫu sổ chi tiết doanh thu (**Biểu 3.2**), sổ chi tiết giá vốn (**Biểu 3.3**), sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu 3.4**) ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh trong kỳ: Doanh thu thuần: Giá vốn: Lãi gộp:						

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.2: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Địa chỉ:.....

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư

Năm ...

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Giá vốn hàng bán			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			Cộng phát sinh:					

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.3: Sổ chi tiết giá vốn

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S36- DN
 (Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK621,622,627,154,632,641,642,142,242,335)

Tài khoản:

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:						
			Số phát sinh trong kỳ:						
			Cộng phát sinh:						
			Số dư cuối kỳ:						

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Với nghiệp vụ bán hàng tại **ví dụ 1** trong phần 2.2.1 ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào các sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng. Cụ thể kế toán căn cứ vào HĐ GTGT số 0054275 để vào sổ chi tiết bán hàng cho Mỏ hàn C02 500A (**Biểu 3.5**), căn cứ vào phiếu xuất kho số 12/12 kế toán vào sổ chi tiết giá vốn cho Mỏ hàn C02 500A (**Biểu 3.6**).

Với các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu 3.7**), để theo dõi cụ thể từng yếu tố chi phí phát sinh cho chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Mỏ hàn C02 – 500A

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3

14/12	54269	14/12	Bán hàng cho DN Tư nhân Bảo Anh	131	5	1.480.000	7.400.000
22/12	54275	22/12	Bán hàng cho DooSan	131	30	1.480.000	44.400.000

29/12	54282	29/12	Bán hàng cho công ty KPI	111	10	1.480.000	14.800.000
31/12	54285	31/12	Bán hàng cho Cty Jungdo Vina	131	10	1.480.000	14.800.000
		31/12	Cộng số phát sinh trong kỳ:		84		117.650.576
			Doanh thu thuần:				117.650.576
			Giá vốn hàng bán:				87.453.275
			Lãi gộp:				30.197.301

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán

Giám đốc

Biểu 3.4: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư: **Mỏ hàn C02 – 500A**

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
...
22/12	PXK12/12	22/12	Xuất kho bán hàng cho DooSan	156	30	1.340.000	40.200.000	
...
31/12	PXK20/12	31/12	Xuất kho bán hàng cho Jungdo Vina	156	10	1.340.000	13.400.000	
			Cộng phát sinh:				87.453.275	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.5: Sổ chi tiết giá vốn

Đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh
 Địa chỉ: Km 104+300, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S36- DN
 (Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642- CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra					
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	6421	6423	6424	6425	6427	6428
			Số phát sinh trong kỳ:									
06/12	PC04/12	06/12	Tiền tiếp khách	111	2.000.000							2.000.000
10/12	PC07/12	10/12	TT tiền điện thoại	111	787.577						787.577	
...				
30/12	BKHT12	30/12	Phản bổ KH	214	2.160.460				2.160.460			
...
31/12	BLT12	30/12	Chi phí tiền lương	334	27.500.000			27.500.000				
31/12	TKT	31/12	Nộp thuế môn bài	111	1.520.000					1.520.000		
31/12	PKT10/12	31/12	K/C sang TK911	911			528.460.162					
			Cộng phát sinh:		528.460.162	528.460.162	287.450.000	11.005.023	25.925.518	1.520.000	106.913.000	95.646.621

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.6: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

3.2.2 Giải pháp về lập dự phòng phải thu khó đòi

❖ Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo những điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách hàng nợ về số tiền nợ bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản phải thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn đang bị cơ quan pháp luật truy tố...

Những khoản nợ trên 3 năm trở lên không có khả năng thu hồi nợ được xử lý xóa nợ.

❖ Phương pháp lập dự phòng

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

+50% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+70% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+100% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ **Tài khoản sử dụng: TK139 – Dự phòng phải thu khó đòi**

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

Bên có:

Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên có:

Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có cuối kì.

Xử lý khoản dự phòng

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng hạch toán kế toán công ty cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Căn cứ vào số dự phòng còn lại trên TK139 so với số dự phòng cần phải trích dự phòng cho năm tiếp theo.

- Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định trên, nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

- Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phân chênh lệch;

Bút toán ghi sổ:

Nợ TK642: chi phí QLDN

Có TK139: dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Bút toán ghi sổ:

Nợ TK139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK642: CPQLDN (hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

- Các khoản phải thu khó đòi khi xác định thực sự là thực sự không đòi được thì được phép xóa nợ, việc xóa nợ phải theo chính sách tài chính hiện hành.

Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK139: dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã trích dự phòng)

Nợ TK642 : chi phí QLDN (nếu chưa trích dự phòng)

Có TK131: Phải thu khách hàng

Có TK138: Phải thu khác

Đồng thời ghi Nợ TK004: nợ khó đòi đã xử lý. Để theo dõi thu hồi khi khách hàng có điều kiện trả nợ.

- Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó thu hồi được nợ, kế toán căn cứ giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được ghi:

Nợ TK111,112

Có TK711: Thu nhập khác

Ví dụ minh họa:

Dựa trên Báo cáo tình hình công nợ đến hết ngày 31/12/2010 (**Biểu 3.1**) và mức trích lập dự phòng theo thông tư 288/2009/TT-BTC, kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi vào ngày 31/12/2010 như sau:

- Số trích lập dự phòng

$$= 1.871.002 \times 70\% + (1.622.650 + 54.690.500) \times 50\% + (251.761.722 + 51.045.658) \times 30\%$$

$$= 120.308.490$$

- Kế toán định khoản:

Nợ TK642: 120.308.490

Có TK139: 120.308.490

3.2.3 Giải pháp về sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Trong nền kinh tế thị trường vấn đề sống còn của mỗi doanh nghiệp là hiệu quả sử dụng vốn, tức là vốn của doanh nghiệp phải được quay vòng nhanh.

Việc quay vòng vốn luôn là vấn đề quan trọng của mỗi doanh nghiệp. Do vậy công ty nên áp dụng chính sách ” chiết khấu thanh toán” cho khách hàng thường xuyên có uy tín, luôn thực hiện hợp đồng thanh toán đúng và trước hạn tránh tình trạng chiếm dụng vốn...

❖ Phương pháp hạch toán:

- Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà công ty có thể đưa những tỷ lệ phần trăm chiết khấu phù hợp nhưng cũng có thể tham khảo của 1 số doanh nghiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô, tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, tình hình trả nợ trước thời hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng..

- Tỷ lệ này không nên quá lớn vì nó làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, cũng không quá nhỏ khiến không thể kích thích khách hàng thanh toán trước hạn.

- Khi áp dụng 1 tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản phải thu nhưng tỷ lệ chiết khấu sẽ làm giảm lợi nhuận nên công ty cũng cần xem xét chi phí khoản phải thu có bù đắp thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không?

- Khoản chiết khấu thanh toán sẽ áp dụng với khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK635 – chi phí tài chính

Nợ TK635 : khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng

Có TK131,111,112...

Cuối kỳ kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kì.

Nợ TK911: xác định kết quả kinh doanh

Có TK635: chi phí tài chính (khoản chiết khấu cho khách hàng).

3.2.4 Giải pháp sử dụng phần mềm kế toán

Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, các ứng dụng công nghệ vào thực tiễn đời sống nói chung và trong tổ chức kế toán nói riêng là rất cần thiết. Có thể đưa ra những lợi ích của việc sử dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán như sau:

- Ít tốn thời gian: phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần đưa số liệu vào và thao tác in ra.

- Chính xác: các chương trình kế toán có độ chính xác cao và hiếm khi gây ra lỗi.
- Dễ sử dụng: doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có những hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán có thể sử dụng một cách dễ dàng...

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán. Em xin giới thiệu một số phần mềm phổ biến hiện nay, công ty có thể lựa chọn phần mềm phù hợp với công ty mình như phần mềm kế toán máy **Fast accounting**, **Misa**...

+ **Phần mềm kế toán Fast accounting**: là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 3.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

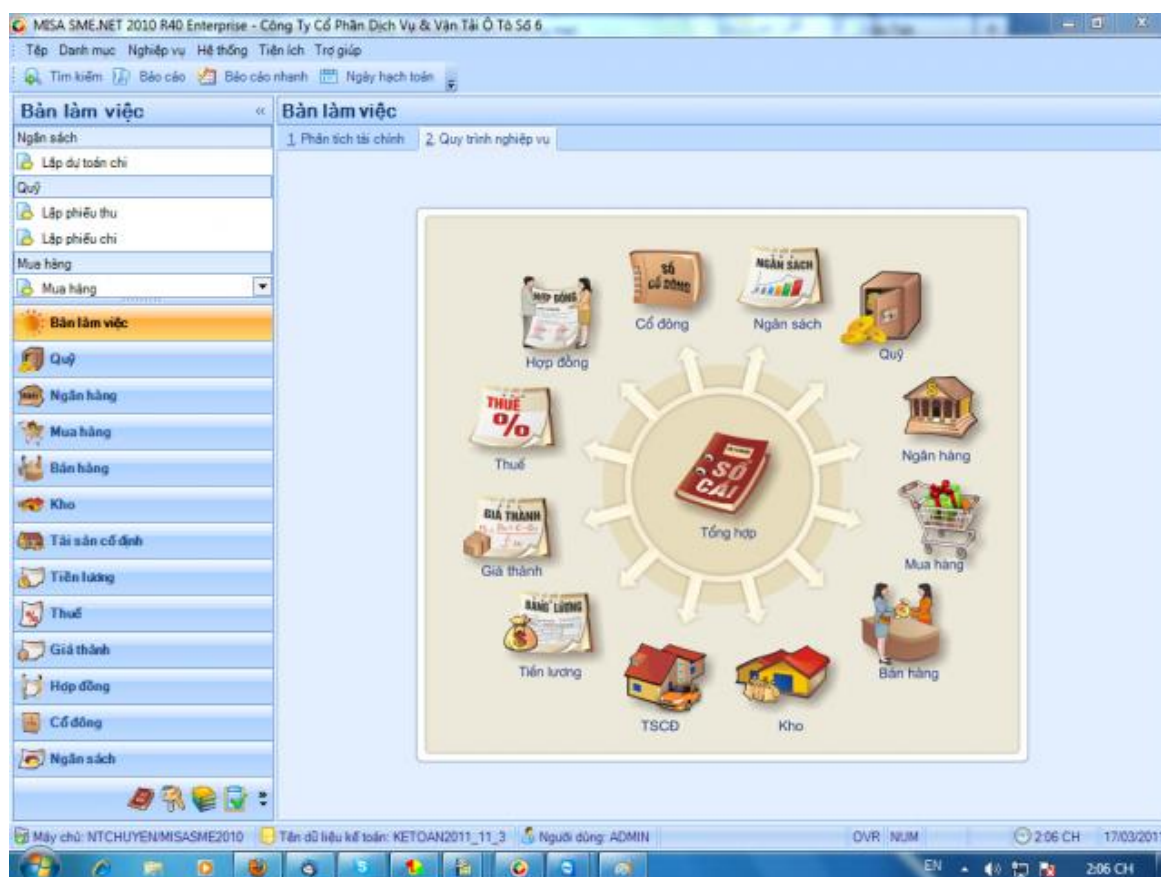
Giao diện phần mềm kế toán Fast accounting:

Hệ thống	Khai báo các màn hình nhập chứng từ	Khai báo mã giao dịch nhập liệu
Kế toán tổng hợp	Khai báo ngày bắt đầu của năm tài chính	Khai báo pp tính giá tồn kho
Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay	Khai báo kỳ mở sổ	Khai báo pp tính tỷ giá ghi sổ
Bán hàng và công nợ phải thu	Khai báo các trường trong danh mục khi ti	Khai báo các tham số tùy chọn
Mua hàng và công nợ phải trả	Khai báo trạng thái chứng từ	
Hàng tồn kho		
BC CP theo tiểu khoản, khoản mục	Quản lý số liệu	Quản lý NSD
BC vụ việc, giá thành công trình	In danh mục	Trợ giúp
Giá thành sx liên tục	Lưu trữ (backup) số liệu	
Giá thành sx theo đơn hàng	Khóa số liệu	
Tài sản cố định	Sao chép (copy) số liệu ra	
Công cụ dụng cụ	Sao chép (copy) số liệu vào	
Báo cáo thuế	Bảo trì số liệu	
BCQT theo các trường tự do	Kiểm tra đồng bộ giữa các tệp số liệu	
BCQT theo thời gian	Kiểm tra số liệu khi báo cáo sai lệch	
BCQT theo ĐVCS	Nâng cấp chương trình	
Thuế thu nhập cá nhân	Nhập danh mục & số đầu kỳ từ Excel	
	Nhập chứng từ từ Excel	
	Xuất số liệu kế toán ra Excel	
	Xuất số liệu nhập xuất kho ra Excel	
	Xuất số liệu hóa đơn thuế đầu vào ra Excel	
	Xuất số liệu hóa đơn thuế đầu ra ra Excel	



+ **Phần mềm kế toán Misa MISA SME.NET 2010** gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt, MISA SME.NET 2010 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP

Giao diện phần mềm kế toán Misa:



KẾT LUẬN

Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm bán ra và giảm thiểu chi phí nhưng vẫn không làm giảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ. Bởi vậy trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hóa trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Với kiến thức đã học cùng thực tế tìm hiểu tại công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Tuy nhiên do trình độ còn có giới hạn nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy em mong nhận được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô, ban giám đốc và các cán bộ phòng kế toán Công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Sau cùng em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường ĐHDL Hải Phòng và các cán bộ trong Công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh đã giúp em hoàn thiện bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Lê Thị Thu Hằng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
2. Chuẩn mực kế toán số 14 ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3. Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
4. Khóa luận các khóa 9, 10 tại thư viện trường.
5. Các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2010 của công ty TNHH Kim Khí Màu Xanh.
6. Một số trang web: www.webketoan.vn , www.danketoan.com